

DANH SÁCH CHI TIẾT BỆNH NHÂN CHƯA THANH TOÁN
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN 30/6/2025

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
1	Bùi Tuấn Lâm	phong phú 1-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158574	NHI	BHYT	400.000		0			0	400.000	
2	Trương Thị Phụng	Tân Quang, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00158589	KTN	BHYT	500.000		374.922			374.922	125.078	
3	Đặng Triệu Mẫn	Đại cát 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158627	LCK	BHYT	300.000		282.725			282.725	17.275	
4	Trần Phan Thanh	hội thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159478	HSTC	BHYT	450.000	321.760	112.778			434.538	15.462	
5	Hoàng Long Quân	Suối sâu-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00157684	NHI	BHYT	170.000		0	160.880	0	160.880	9.120	
6	Nguyễn Tấn Phong	Đại mỹ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158824	NHI	BHYT	170.000		0	160.880	0	160.880	9.120	
7	Trần Xuân Hùng	Tổ 11-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159695	NOI	BHYT	300.000	0	122.837		0	122.837	177.163	
8	Đỗ Tuấn Kiệt	Phụ Đăng-Xã Ninh Bình-Thị Xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160049	CCL	BHYT	300.000		75.640	160.880		236.520	63.480	
9	Lê Thị Ân	hà thanh 1-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158976	NOI	BHYT	300.000		56.447	0		56.447	243.553	
10	Nguyễn Thị Phụng	tân phong-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159222	NOI	BHYT	600.000		407.318	0		407.318	192.682	
11	Võ Thị Đát	Tổ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159619	NOI	BHYT	300.000		270.421	0		270.421	29.579	
12	Hồ Minh Hải	Tân Quang-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159625	LCK	BHYT	300.000		226.217	0		226.217	73.783	
13	Phan Thị Hồ Trang	nông trường-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159713	LCK	BHYT	700.000		141.031	0		141.031	558.969	
14	Lê Kim Nhân	Vạn Khê, Xã Ninh Lộc, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00160245	NOI	BHYT	300.000		87.440	0		87.440	212.560	
15	Phan Gia Hải	xuân hoà 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160588	CCL	BHYT	500.000		40.202	321.760		361.962	138.038	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
16	Lương Quốc Nghĩa	hang doi-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160598	CCL	BHYT	350.000			321.760		321.760	28.240	
17	Nguyễn Thị Minh Thu	Phước thuận-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158732		BHYT	350.000			160.880		160.880	189.120	
18	Phạm Thị Hạ Quyên	tổ 1-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00158596	KTN	BHYT	600.000		571.891		0	571.891	28.109	
19	Son Thị Giào	Thị trấn Năm Căn-Huyện Năm Căn-Tỉnh Cà Mau	BA00159706	NTH		1.000.000	888.070	0		0	888.070	111.930	
20	Trần Hồng Hải	Phú sơn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160797	HSTC	BHYT	300.000		210.595	0	0	210.595	89.405	
21	Lê Thúy Phượng	Thôn Ninh Ích, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00160802	CCL	BHYT	800.000		300.600	439.560	0	740.160	59.840	
22	Nguyễn Thành Sang	phú gia-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160851	CCL	BHYT	400.000		0	0	0	0	400.000	
23	Phan Thị Hoa	Điêm Tịnh- Ninh Phung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160882	CCL		800.000		82.190	407.000		489.190	310.810	
24	Nguyễn Thành Danh	Phú Diêm- Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160876	CCL	BHYT	1.000.000		245.780	276.760		522.540	477.460	
25	Võ Hồng Thuận	Phước Mỹ -Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160869	CCL		700.000			162.800		162.800	537.200	
26	Cao Cả	Xóm Mới-Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160893	NOI	BHYT	300.000			162.800		162.800	137.200	
27	Huỳnh Thị Cúc	TDP3 Đông Hà-Ninh Hải-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160897	CCL	BHYT	500.000		41.092	162.800		203.892	296.108	
28	Phạm Văn Hồ	xóm mới-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159611	HSTC	BHYT	500.000		0	325.600	0	325.600	174.400	
29	Trần Nghiệp	mỹ hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00156401	HSTC	BHYT	150.000		0	135.564	0	135.564	14.436	
30	Nguyễn Thị Nhân	Thôn Quang Đông, Xã Ninh Đông, Thị xã Ninh	BA00156460	HSTC	BHYT	3.100.000		3.050.816	0	0	3.050.816	49.184	
31	Phạm Rớt	Thôn An Bình, Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00159248	NOI	BHYT	300.000		221.700	0	0	221.700	78.300	
32	Trần Văn Trúc	chấp lễ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160053	KTN	BHYT	300.000		257.728	0	0	257.728	42.272	
33	Nguyễn Thị Thu Thảo	Tân Lập, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00160190	LCK	BHYT	300.000		221.192	0	0	221.192	78.808	
34	Nguyễn Kiều Nhung	phước đa 1-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160966	NTH	BHYT	500.000		183.984	0	0	183.984	316.016	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
35	Nguyễn Văn Sùng	mỹ hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159475	NOI	BHYT	900.000		648.497	0	0	648.497	251.503	
36	Lê Văn Thành	Tân lập-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159614	KTN	BHYT	800.000		633.220	0	0	633.220	166.780	
37	Phan Ngọc Tuấn Tú	MỸ HOÁN-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159617	NHI	BHYT	400.000		0	0	0	0	400.000	
38	Phạm Minh Đệ	Hiệp thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00159739	LCK	BHYT	400.000		287.549	0	0	287.549	112.451	
39	Trần Hòa	lạc hoà-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00161535	HSTC	BHYT	300.000		263.960	0	0	263.960	36.040	
40	Lê Thị Thuý Lan	tân khánh 1-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00161663	NTH		500.000	301.876	0		0	301.876	198.124	
41	Đinh Thị Thỉnh	Thôn Thuận Mỹ, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00161684	CCL	BHYT	500.000		0	162.800	0	162.800	337.200	
42	Hồ Thị Bé	Nhon khánh-Xã Vạn Khánh-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160796	NTH		5.500.000	5.436.526	0		0	5.436.526	63.474	
43	Trần Thị Mai	Tân Hiệp, Xã Ninh Thượng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00160975	NOI	BHYT	400.000	0	301.713		0	301.713	98.287	
44	Lê Thị Bích Na	Thôn Sơn Lộc, Ninh An, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00160986	NTH		1.000.000	671.070	0		0	671.070	328.930	
45	Nguyễn Thị Hạnh	thuận mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00161392	NOI	BHYT	600.000		176.185	325.600	0	501.785	98.215	
46	Bùi Thị Lắm	phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160894	KTN		1.700.000	1.690.442	0		0	1.690.442	9.558	
47	Nguyễn Khả My	Tân Sơn-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00160956	KTN	BHYT	300.000	0	269.499		0	269.499	30.501	
48	Y Đức Thiện Mlô	Buôn Lác, Xã Ninh Tây, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00161972	LCK	BHYT	300.000	0	135.202		0	135.202	164.798	
49	Biện Đăng Khôi	phước lộc-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00162438	NHI		500.000	481.983	0		0	481.983	18.017	
50	Lương Ngọc Văn	VÂN THẠCH-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00153844	HSTC	BHYT	745.000		0	450.000	0	450.000	295.000	
51	Tăng Thị Bê	phước thuận-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00160867	NOI	BHYT	600.000	0	438.360		0	438.360	161.640	
52	Nguyễn Thị Thu Hoài	Xã Ea Hiu-Huyện Krông Pắc-Tỉnh Đắk Lắk	BA00160924	LCK	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
53	Dương Thị ThườnNg	Thôn Lạc Hòa, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00162358	KTN	BHYT	700.000		249.795	407.000	0	656.795	43.205	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
54	Phạm Thị Se	xuân hoà 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00162852	CCL	BHYT	400.000		0	325.600	0	325.600	74.400	
55	Trần Thị Mươi	Hang Dơi-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163153	CCL	BHYT	800.000		161.810	325.600	0	487.410	312.590	
56	Nguyễn Văn Định	Đại Tập, Ninh Thãi, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00161121	LCK	BHYT	500.000	0	240.938		0	240.938	259.062	
57	Lê Trọng Hiếu	Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00161414	LCK	BHYT	500.000	0	437.400		0	437.400	62.600	
58	Nguyễn Thị Nhã Uyên	Thôn Bình Thành, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00161938	LCK	BHYT	300.000	0	243.937		0	243.937	56.063	
59	Nguyễn Tân	Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00163152	NTH	BHYT	400.000	0	179.486		0	179.486	220.514	
60	Nguyễn Phương Toàn Phát	Tân Mỹ-Ninh Xuân-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00161802	NHI	BHYT	1.100.000		722.057			722.057	377.943	
61	Nguyễn Tấn Nghĩa	Đại Cát 1-Ninh Phụng-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00162856	NTH		1.000.000	300.213			588.100	888.313	111.687	
62	Mai Hoàng	Tổ dân phố 09, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00163429	HSTC	BHYT	580.000		205.086	331.680		536.766	43.234	
63	Lê Ngọc Quang	QUẢNG CỬ, Xã Ninh Trung, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00162426	LCK	BHYT	400.000	0	351.119		0	351.119	48.881	
64	Huỳnh Thị Lài	Thôn Đại Cát 1, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00162530	NOI	BHYT	600.000	0	311.394		0	311.394	288.606	
65	Nguyễn Thị Thu Vân	phú đa-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00162806	KTN	BHYT	300.000	0	261.822		0	261.822	38.178	
66	Phạm Thị Ngọc Ngà	Tdp 18-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163376	SAN	BHYT	300.000	0	152.779		0	152.779	147.221	
67	Huỳnh Chiếm Trung Quốc	Phong phú 1-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163380	LCK	BHYT	500.000	0	256.580		0	256.580	243.420	
68	Nguyễn Thị Mẫn	Thôn Thạnh Mỹ, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00163845	CCL	BHYT	500.000	0	0		0	0	500.000	
69	H Yót	Buôn Lác-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163773	HSTC	BHYT	500.000		284.931	165.840		450.771	49.229	
70	Võ Thị Mỹ Hòa	Thôn 2, Xã Ninh Sơn, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00159816	PHCN	BHYT	300.000		247.000	0	0	247.000	53.000	
71	Nguyễn Xuân Long	Thạnh mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163457	NOI	BHYT	300.000		166.976	0	0	166.976	133.024	
72	Võ Nguyễn Thiện Nhân	Thôn Tân Quang, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	BA00160923	NHI	BHYT	340.000		0	331.680	0	331.680	8.320	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
73	Ngô Lê Tâm Như	Vĩnh Xuân, Xã Vĩnh Thái, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	BA00161516	NHI	BHYT	700.000		559.141	0	0	559.141	140.859	
74	Ngô Trung Tinh	Thôn Thuận Mỹ, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00162650	LCK	BHYT	500.000		475.998	0	0	475.998	24.002	
75	Nguyễn Thị Hiền	Thôn 2-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163465	NOI	BHYT	800.000		210.490	199.008	0	409.498	390.502	
76	Nguyễn Thị Gái	phong phú 2-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163535	KTN	BHYT	300.000		236.557	0	0	236.557	63.443	
77	Ngô Nguyễn Ngọc Bích	Đại Mỹ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164062	LCK	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
78	Võ Thành Hậu	Thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164070	LCK		1.200.000	466.926	0		550.100	1.017.026	182.974	
79	Cao Thị Bốn	Xuân Đông-Vạn Hưng-Vạn Ninh-Khánh Hoà	BA00158595	KTN	BHYT	800.000		334.541	321.760		656.301	143.699	
80	Bùi Thị Thanh Hiền	Thị trấn Phước Dân-Huyện Ninh Phước-Tỉnh Ninh Thuận	BA00164742	LCK		500.000	428.498	0			428.498	71.502	
81	Đặng Thị Bích Lan	TÂN PHƯỚC NAM-Xã Vạn Phước-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164858	LCK	BHYT	300.000					0	300.000	
82	H Că Niê	buôn thi-Xã Ea Trang-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00164868	CCL	BHYT	250.000			165.840		165.840	84.160	
83	Đặng Thị Nguyệt	tdp 11-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00162456	NOI		4.000.000	3.772.686	0		0	3.772.686	227.314	
84	Huỳnh Thị Nhộng	Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163089	NOI	BHYT	500.000	0	373.939		0	373.939	126.061	
85	Võ Hồng Lam	thanh mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh	BA00164080	NOI	BHYT	800.000	0	273.574		0	273.574	526.426	
86	Nguyễn Thị Bảy	Thôn Đại Cát 1, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00164196	LCK	BHYT	500.000	0	293.916		0	293.916	206.084	
87	Phạm Thị Khinh	Xuân Hoà 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165124	CCL		250.000	239.700	0		0	239.700	10.300	
88	Hồ Trung Hoà	Buôn đung-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165281	NHI	BHYT	300.000	0	89.679		0	89.679	210.321	
89	Nguyễn Hoàng Viên Minh	thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163460	SAN	BHYT	500.000		0	165.840	0	165.840	334.160	
90	Nguyễn Giang Bình	Phường 7-Quận 8-Thành phố Hồ Chí Minh	BA00165253	NHI		2.000.000	731.476	0	331.680	550.100	1.613.256	386.744	
91	Nguyễn Thị Nường	Vân thạch-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163389	NOI	BHYT	600.000	0	415.800		0	415.800	184.200	
92	Nguyễn Thị Sen	Thạch Thành-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163500	HSTC	BHYT	350.000	207.300	0		0	207.300	142.700	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
93	Lê Diễm Quỳnh	Tổ Dân Phố Thuận Lợi, Ninh Hà, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00164500	KTN	BHYT	850.000	207.300	389.908		0	597.208	252.792	
94	Nguyễn Văn Toàn	thôn nam-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh	BA00164576	KTN	BHYT	300.000	0	237.074		0	237.074	62.926	
95	Phan Thị Dũ	Mỹ Chánh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165800	CCL	BHYT	400.000	207.300	0		0	207.300	192.700	
96	Lê Ngọc Bảo Hoàng	phú văn, Xã Ninh Trung, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00165689	HSTC	BHYT	300.000	0	260.231		0	260.231	39.769	
97	Phan Thị Chiệu	thôn 2-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165852	CCL	BHYT	800.000	0	87.613	331.680	0	419.293	380.707	
98	Trần Minh Tòng	Phú Sen Tây-Xã Hòa Định Tây-Huyện Phú Hoà-Tỉnh Phú Yên	BA00165891	CCL		2.000.000	466.126	0	95.358	550.100	1.111.584	888.416	
99	Phan Thị Hồng	Xã Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165892	CCL	BHYT	1.500.000	0	151.655	252.328	0	403.983	1.096.017	
100	Nguyễn Văn Hải	Lương Hoà-Xã Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165895	CCL	BHYT	500.000		0	156.150	0	156.150	343.850	
101	Trần Thị Lệ	bình trị-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163614	NOI	BHYT	700.000		0	0		0	700.000	
102	Trần Văn Thái	Vạn hữu-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165069	HSTC	BHYT	500.000		0	165.840		165.840	334.160	
103	Cao Minh A	Sông Bung, Xã Ninh Tây, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00165764	NTH	BHYT	300.000		164.622	0		164.622	135.378	
104	Dương Thị Phương Chi	Thanh Châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165922	KTN	BHYT	200.000		80.567	0		80.567	119.433	
105	Miô Nguyễn Y Quốc Hiệp	THÔN SỎ MÍT - Xã Khánh Hiệp-Huyện Khánh Vĩnh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166037	CCL		1.700.000	1.048.028	0		550.100	1.598.128	101.872	
106	Trịnh Tám	phước lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166092	CCL	BHYT	1.000.000		160.530	165.840		326.370	673.630	
107	Nguyễn Xuân Thanh	phước sơn-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166233	CCL	BHYT	800.000		159.894	165.840		325.734	474.266	
108	Võ Ngọc Hiếu	phước lộc-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164497	NOI	BHYT	600.000		472.161	0	0	472.161	127.839	
109	Phạm Đức Huy	Sơn Lộc, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00165516	NOI	BHYT	500.000		295.956	0	0	295.956	204.044	
110	Y- Blanh	Buôn Lác-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165936	NTH		500.000	364.117	0		0	364.117	135.883	
111	Lê Bảo Vy	tổ 3-Phường Ninh Hiệp-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00166355	NHI	BHYT	600.000		177.043	331.680	0	508.723	91.277	
112	Trần Văn Chuông	Tổ 4-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166428	CCL		1.500.000	1.458.965	0		0	1.458.965	41.035	
113	Võ Thị Phượng	TDP Hậu Phước, Phường Ninh Hà, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00159832	PHCN	BHYT	600.000	0	594.600		0	594.600	5.400	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
114	Nguyễn Xuân Trí	Xã Ea Phê-Huyện Krông Pắc-Tỉnh Đắk Lắk	BA00166240	NOI		1.500.000	1.241.088	0		0	1.241.088	258.912	
115	Đoàn Ngọc Bốn	Thuận Mỹ, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00163541	NOI	BHYT	200.000		0	116.088	0	116.088	83.912	
116	Ngô Thị Nhòng	Phong Thạnh-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165812	NOI	BHYT	500.000	0	435.276		0	435.276	64.724	
117	Võ Thị Đậu	Đồng xuân-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165823	HSTC	BHYT	340.000		0	331.680	0	331.680	8.320	
118	Nguyễn Trọng Hào	Phú Diêu-Xã Hòa Mỹ Đông-Huyện Tây Hoà-Tỉnh Phú Yên	BA00165897	CCL		1.500.000	230.446	0		0	230.446	1.269.554	
119	Nguyễn Lê Quốc Dũng	Vĩnh Phước, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00166000	NOI	BHYT	300.000	0	88.968		0	88.968	211.032	
120	Võ Văn Hoàng Nghiêm	Thôn Thạch Định, Ninh Trung, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00166088	KTN	BHYT	300.000	0	238.552		0	238.552	61.448	
121	Lê Thị Hồng	Hòa Thiện 2 -Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167070	CCL	BHYT	500.000		0	165.840	0	165.840	334.160	
122	Nguyễn Văn Minh	Gia Mỹ-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167260	CCL	BHYT	700.000		140.535	331.680	0	472.215	227.785	
123	Nguyễn Ngọc Thảo	Bình Trị-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167290	CCL	BHYT	500.000		0	165.840	0	165.840	334.160	
124	Nguyễn Kiều Hữu Khiêm	Tân Quang-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00163713	PHCN	BHYT	300.000	0	127.600		0	127.600	172.400	
125	Nguyễn Văn Sùng	mỹ hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164516	NOI	BHYT	2.700.000		2.122.186	178.278	0	2.300.464	399.536	
126	Nguyễn Thị Mỹ Hiếu	Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165492	NTH		7.000.000	6.632.578	0		0	6.632.578	367.422	
127	Cao Bảo Long	Suối mít-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165725	NHI	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
128	Huỳnh Thị Kim Mai	thạnh mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00166840	NOI	BHYT	300.000	0	85.966		0	85.966	214.034	
129	Bùi Đình Khúc	Hậu Phước-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167301	HSTC	BHYT	1.100.000	0	809.137		0	809.137	290.863	
130	Đoàn Gia Khang	134/5Q ấp 26-Xã Thới Tam Thôn-Huyện Hóc Môn-Thành phố Hồ Chí Minh	BA00167311	NHI		630.000	620.131	0		0	620.131	9.869	
131	Trần Quang Tiến	Thôn Bình Trị, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00167551	NOI	BHYT	300.000	0	97.768		0	97.768	202.232	
132	Triệu Thị Ái Như	ae krông-Xã Cư San-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00166410	Nhi	BHYT	1.000.000		0	0	0	0	1.000.000	
133	Nguyễn Phước Thiện	pHƯỚC TÂN-Xã Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166809	LCK	BHYT	300.000		234.146	0	0	234.146	65.854	
134	H' Thủy Tiên Byă	Buôn M'Liă-Xã Ea Trang-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00167287	KTN	BHYT	500.000		0	0	0	0	500.000	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
135	Bùi Minh Phong	hội phú nam , Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00167385	NTH	BHYT	300.000		138.230	0	0	138.230	161.770	
136	Nguyễn Tường Vy	Tân Sơn, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00167710	NTH	BHYT	300.000		205.269	0	0	205.269	94.731	
137	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	Thuận mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167777	LCK	BHYT	300.000		77.873	0	0	77.873	222.127	
138	Võ Thị Diễm Thuý	Tổ dân phố 14, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00167816	NTH	BHYT	100.000		74.378	0	0	74.378	25.622	
139	Phan Thanh Anh Tuấn	CHánh thanh-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168049	CCL		2.000.000	1.274.986	0		550.100	1.825.086	174.914	
140	Hồ Thị Quỳnh Như	tổ 2-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168087	NOI	BHYT	200.000		0	0	0	0	200.000	
141	Phan Xuân Phương	mỹ á-Phường Ninh Thủy-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168095	CCL	BHYT	1.200.000		174.560	364.848	0	539.408	660.592	
142	Nguyễn Văn Tài	Thạch Thành, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168101	NOI	BHYT	300.000		95.913	0	0	95.913	204.087	
143	Trần Quốc Tuấn	Hoà Thiện 1-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168162	CCL	BHYT	500.000		135.620	165.840		301.460	198.540	
144	Huỳnh Thương	tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00167036	KTN	BHYT	500.000	0	229.550		0	229.550	270.450	
145	Huỳnh Thị Thu Thủy	Áp cây da-Xã Bình Lộc-Thành phố Long Khánh-Tỉnh Đồng Nai	BA00168055	NTH		1.200.000	437.096	0		550.100	987.196	212.804	
146	Trần Thị Bích Tuyền	Đồng Đa-Xã Ninh Sim-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00168089	NTH	BHYT	800.000	0	205.872		400.000	605.872	194.128	
147	Nguyễn Khắc Tiến	Tân sơn-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168195	KTN	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
148	Lê Trương Phong	NINH ÍCH-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168199	NOI		700.000	520.207	0		0	520.207	179.793	
149	Trần Thanh Trung	Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168243	CCL		100.000	78.600				78.600	21.400	
150	Dương Tiểu Bảo	Tổ 6 -Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166421	KTN	BHYT	720.000	0	629.311			629.311	90.689	
151	Đinh Thị Trinh	thạch thành -Xã Ninh Quang-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00167299	LCK	BHYT	600.000	0	378.003			378.003	221.997	
152	Võ Thị Kim Thanh	thôn 2-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168138	NOI	BHYT	300.000	0	158.143			158.143	141.857	
153	Y- Vút	buôn sim-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168203	KTN		500.000	411.534	0			411.534	88.466	
154	Lê Đức Thịnh	xuân đông-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168236	NHI	BHYT	300.000	0	107.366			107.366	192.634	
155	Trần Trọng Nghĩa	Lệ cam-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168325	CCL		250.000	240.152				240.152	9.848	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
156	Phạm Đức Hiếu	Phường 15-Quận Tân Bình-Thành phố Hồ Chí Minh	BA00168367	CCL		100.000	78.600				78.600	21.400	
157	Trần Tê	phú tho 1-Phường Ninh Diêm-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168369	CCL		300.000	285.260				285.260	14.740	
158	Quách Nguyên Khôi	đại cát 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166836	NHI	BHYT	400.000		0	0	0	0	400.000	
159	Nguyễn Tien	Phú Nghĩa-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00166910	NOI	BHYT	100.000		0	74.628	0	74.628	25.372	
160	Trần Kim Lai	Lam Sơn-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168343	LCK	BHYT	500.000		0	0	0	0	500.000	
161	Lâm Tuyết Huyền	bình thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168374	SAN	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
162	Lâm Đạo Phúc	Ninh Hiệp-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00168420	NHI		600.000	520.816				520.816	79.184	
163	Trần Bảo Lễ	QUANG ĐÔNG-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168280	NTH	BHYT	250.000	55.500	125.881			181.381	68.619	
164	Ngô Phương Yên	Phú Văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168333	NTH	BHYT	300.000	0	215.123			215.123	84.877	
165	Nguyễn Nguyên Chương	phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168360	LCK	BHYT	400.000	0	0			0	400.000	
166	Nguyễn Thị Hào	xuân tự 2-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168465	NOI	BHYT	500.000	0	199.314			199.314	300.686	
167	Nguyễn Tấn Đạt	tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168421	NHI		500.000	449.752				449.752	50.248	
168	Nguyễn Thị Kim Nhung	hà thanh 2-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168509	CCL		1.500.000	609.326	0		550.100	1.159.426	340.574	
169	Y - Nuin Niê Kdăm	Buôn Myui-Xã Ea Tu-Thành phố Buôn Ma Thuột-Tỉnh Đắk Lắk	26666230731	HSTC		1.200.000		0	165.840	0	165.840	1.034.160	
170	Hoàng Quốc Thuận	Thôn Tân Quang, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa		CCL		1.200.000	344.788	0		550.100	894.888	305.112	
171	Phạm Tấn Ngọc	Tân quang-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168479	KTN		500.000	397.787	0			397.787	102.213	
172	Nguyễn Châu Minh Anh	308/59a, hUYỀN TẤN PHÁT-Phường Tân Thuận Tây-Quận 7-Thành phố Hồ Chí Minh	BA00168488	KTN	BHYT	300.000	0	72.050			72.050	227.950	
173	Nguyễn Minh Hòa	TDP Thuận Lợi, Phường Ninh Hà, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168524	KTN	BHYT	300.000	0	95.029			95.029	204.971	
174	Cao Thị Phi	Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168634	CCL	BHYT	400.000			331.680		331.680	68.320	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
175	Nguyễn Thị Kim Ngân	Sơn Lộc-Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168334	NTH	BHYT	350.000			165.840		165.840	184.160	
176	Đoàn Thị Minh Thy	Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168175	KTN	BHYT	300.000		285.347			285.347	14.653	
177	Nguyễn Lê Quỳnh Như	Bình Thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168289	NOI	BHYT	600.000	0	374.769		0	374.769	225.231	
178	Nguyễn Thị Tân	Thôn Sơn Lộc, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168528	NOI	BHYT	300.000	0	117.706		0	117.706	182.294	
179	Hồ Thị Mâu	Quảng Hội 2-Xã Vạn Thắng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168567	NTH	BHYT	500.000	0	75.994		0	75.994	424.006	
180	Nguyễn Mịn	Thôn Thạch Thành, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168635	CCL	BHYT	400.000	0	0	165.840	0	165.840	234.160	
181	Nguyễn Thị My Na	Tổ dân phố 12, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh	BA00168643	CCL	BHYT	300.000	0	210.065		0	210.065	89.935	
182	Lâm Minh Tuấn	chánh thanh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168656	CCL		500.000	139.196	0		0	139.196	360.804	
183	Thái Thị Hằng	Vĩnh Phước, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168667	CCL	BHYT	900.000	0	150.290	331.680	0	481.970	418.030	
184	Đặng Hoàng Minh Quang	đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168681	CCL		1.200.000	577.660	0		550.100	1.127.760	72.240	
185	Huỳnh Thị Lệ	vĩnh phước-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00168747	HSTC	BHYT	500.000			331.680		331.680	168.320	
186	Nguyễn Quốc Tiến	thôn 24-Xã Ea Ning-Huyện Cư Kuin-Tỉnh Đắk Lắk	BA00168754	CCL	BHYT	400.000			331.680		331.680	68.320	
187	Cb H Ri Tin Mlô	Thôn 2- Buôn M yui-Xã Ea Trang-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00167720	NHI	BHYT	500.000	0	0		0	0	500.000	
188	Lương Thanh Tùng	39 trần quang cơ-Phường Phú Thạnh-Quận Tân Phú-Thành phố Hồ Chí Minh	BA00168323	KTN	BHYT	600.000	0	330.772		0	330.772	269.228	
189	Trương Thị Hoa	Tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168780	NOI		1.200.000	403.788	0		500.000	903.788	296.212	
190	Bùi Văn Khoa	phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168794	CCL	BHYT	700.000	0	93.629	331.680	0	425.309	274.691	
191	Sam Peljon	Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168806	CCL		150.000	133.795	0		0	133.795	16.205	
192	Lê Anh Chiến	Thôn Nam-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168851	CCL	BHYT	700.000		260.315	331.680		591.995	108.005	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
193	Võ Thị Kim Liên	ngũ mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168623	KTN	BHYT	300.000	0	175.161		0	175.161	124.839	
194	Trương Quang Mỹ	thanh châu-Phường Ninh Giang-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00168891	CCL	BHYT	200.000	165.840	0			165.840	34.160	
195	Nguyễn Hoàng Bảo An	Phong Phú 2-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168894	NHI		500.000		0	353.634		353.634	146.366	
196	Trần Ngọc Minh	Phú thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00161788	HSTC	BHYT	800.000		0	795.000	0	795.000	5.000	
197	Nguyễn Văn Gio	Đồng Đa-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168599	KTN		2.200.000	1.694.479	0		0	1.694.479	505.521	
198	Tô Thành Khang	Tân khánh 1-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168772	NHI	BHYT	300.000	0	201.458		0	201.458	98.542	
199	Cao Hoàn Phúc	xóm mới-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168958	NHI		560.000	525.412	0		0	525.412	34.588	
200	Nguyễn Đức Chính	thạnh mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168975	CCL	BHYT	1.200.000		135.710	331.680	0	467.390	732.610	
201	Lương Cẩn	Hưu Trí, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khá	BA00168694	KTN	BHYT	400.000	0	114.699		0	114.699	285.301	
202	Lê Nước	xuân hoà 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00169725	NTH		500.000	440.310				440.310	59.690	
203	Lê Văn Mới	Thôn Tân Mỹ, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00168664	NOI	BHYT	200.000		0	165.840	0	165.840	34.160	
204	H Đon	Buôn trương-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168766	NOI	BHYT	800.000	0	598.805		0	598.805	201.195	
205	Nguyễn Trí Tuệ	Tiên du 1-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168932	KTN	BHYT	800.000		259.177	414.600	0	673.777	126.223	
206	Lê Văn Hoàn	Ninh Điền-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168936	NOI	BHYT	500.000	0	284.277		0	284.277	215.723	
207	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	Quang Đông-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168942	KTN		1.300.000	1.027.746	0		0	1.027.746	272.254	
208	Phạm Bình	phong phú 1-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168945	NTH	BHYT	850.000		440.360	331.680	38.000	810.040	39.960	
209	Bùi Thị Chinh	Phước Đa 3-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00165122	HSTC	BHYT	100.000	74.628	0		0	74.628	25.372	
210	Lê Văn Lợi	MỸ THUẬN-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170119	CCL	BHYT	500.000		92.487	165.840	0	258.327	241.673	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
211	Nguyễn Minh Dũng	Nhĩ Sự, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170280	CCL	BHYT	300.000		0	207.300	0	207.300	92.700	
212	Nguyễn Tấn Dự	đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170285	CCL	BHYT	700.000		185.002	165.840	0	350.842	349.158	
213	Nguyễn Hiền	Thôn Trung, Xã Ninh Tân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170291	CCL	BHYT	300.000		71.890	165.840	0	237.730	62.270	
214	Đoàn Trọng Nghĩa	Sơn lộc-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170124	KTN	BHYT	800.000		280.461	414.800	0	695.261	104.739	
215	Huỳnh Thị Nở	Hội Phú Nam 1, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170273	CCL	BHYT	300.000		85.055	165.840	0	250.895	49.105	
216	Trần Chơn	Phú bình-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168564	HSTC	BHYT	400.000		0	331.840		331.840	68.160	
217	Hồ Thị Đông	Bình thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00168756	NTH		5.060.000	4.635.829	0			4.635.829	424.171	
218	Nguyễn Thị Hồng Phượng	mỹ Hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00169393	LCK	BHYT	500.000		385.947	0		385.947	114.053	
219	Võ Thị Ngan	Thôn Đại Cát 2, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00169617	NOI		1.600.000	1.437.651	0			1.437.651	162.349	
220	Lê Văn Cường	Thôn Tân Phong, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170282	LCK	BHYT	300.000		182.051	0		182.051	117.949	
221	Đinh Thị Thu Loan	tân lập-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171216	HSTC	BHYT	400.000		312.888	0		312.888	87.112	
222	Đoàn Văn Thuận	Tổ dân phố 09, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00171219	CCL	BHYT	500.000		92.553	331.840		424.393	75.607	
223	Nguyễn Vũ Văn Thy	Tân Hưng- Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170223	Nhi	BHYT	800.000		402.516			402.516	397.484	
224	Trương Thị Hường	phụng cang-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170287	LCK		3.400.000	1.843.096	0		1.200.000	3.043.096	356.904	
225	Nguyễn Bích Phương	Phong Phú 2, Phường Ninh Giang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170295	LCK	BHYT	300.000		213.939	0	0	213.939	86.061	
226	Cao Thị Liễu	Suối Mít-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170300	SAN	BHYT	1.000.000		384.868	117.200	0	502.068	497.932	
227	Lê Thị Thanh Tuyền	Tân Lập, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170374	LCK	BHYT	500.000		237.519	0	0	237.519	262.481	
228	Trần Thị Ánh Tuyết	Vạn Hữu, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh	BA00170566	NTH	BHYT	500.000		324.970	0	0	324.970	175.030	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
229	Trần Thị Lệ	bình trị-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171475	CCL	BHYT	300.000		0	165.920	0	165.920	134.080	
230	Văn Thành Đô	Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00170402	KTN	BHYT	500.000		480.316	0	0	480.316	19.684	
231	Lê Triệu Hoài An	Xã Cư San-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00170716	NHI	BHYT	1.000.000		0	0	0	0	1.000.000	
232	H - Quýt Niê	Buôn Mliă-Xã Ea Trang-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00171047	SAN	BHYT	200.000		0	0	0	0	200.000	
233	Hoàng Thị Xuân An	tổ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171306	LCK	BHYT	300.000		164.574	0	0	164.574	135.426	
234	Đinh Hoàng Tường Vy	mỹ lợi-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171406	KTN	BHYT	300.000		131.795	0	0	131.795	168.205	
235	Nguyễn Đăng Nhật Thịnh	thanh châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171893	NHI	BHYT	340.000		0	331.840	0	331.840	8.160	
236	Trần Văn Hoi	đồng đa-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171936	NOI		300.000	246.792	0		0	246.792	53.208	
237	Nguyễn Văn Bình	Phú sơn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171968	CCL		50.000	45.000	0		0	45.000	5.000	
238	Lò Thị Hoa	ea boa-Xã Ea Trang-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00172141	CCL	BHYT	250.000		0	207.400	0	207.400	42.600	
239	H Bin Niê	buôn mjam-Xã Ea Trang-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00172278	CCL		400.000	376.840	0		0	376.840	23.160	
240	Nguyễn Văn Ty	Vân thạch-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00164641	HSTC	BHYT	800.000		0	500.000	0	500.000	300.000	
241	Nguyễn Ngọc	phú sơn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171715	NOI	BHYT	600.000	0	514.258		0	514.258	85.742	
242	Nguyễn Minh Phương	Đồng Xuân, Xã Ninh Thượng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00170980	KTN	BHYT	500.000	0	358.126		0	358.126	141.874	
243	Nguyễn Đức Miên	Thôn Văn Định, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00171371	LCK	BHYT	100.000		0	74.664	0	74.664	25.336	
244	Phùng Thị Nhiều	Tổ dân phố 1, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00171596	NTH	BHYT	100.000		0	55.500	0	55.500	44.500	
245	Nguyễn Thị Mười Út	Phước Sơn, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00171928	KTN	BHYT	300.000	0	231.604		0	231.604	68.396	
246	Lê Thanh Xương	Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00172339	KTN		700.000	574.074	0		0	574.074	125.926	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
247	Nguyễn Xê	đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00172661	CCL	BHYT	500.000		0	331.840	0	331.840	168.160	
248	H Huyền Mlô	Buôn MO-Xã Ea Trang-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00172385	NTH		500.000	470.428	0		0	470.428	29.572	
249	Lê Thị Đất	Thôn Xuân Hòa 1, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00172964	HSTC	BHYT	500.000		269.543	0	0	269.543	230.457	
250	Bùi Văn Sơn	Thôn Bắc Thọ, Ngư Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	BA00173232	HSTC	BHYT	600.000	506.640				506.640	93.360	
251	Huỳnh Tường	tdp 8-Phường Ninh Hiệp-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00171411	HSTC	BHYT	350.000		0	334.240	0	334.240	15.760	
252	Trần Ngọc Thanh	Tổ Dân Phố 11, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00172967	CCL	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
253	Trần Nghị	đại tập-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173676	CCL		100.000	94.960	0		0	94.960	5.040	
254	Liều Seo Diêu	thôn 5-Xã Cư San-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00173776	CCL	BHYT	500.000		0	334.240	0	334.240	165.760	
255	Lê Văn Tô	Mỹ Lệ-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173815	CCL	BHYT	600.000		203.645	334.240	38.000	575.885	24.115	
256	Đặng Thanh Tuấn	KDC số 10 Thôn Tây-Xã An Vĩnh-Lý Sơn-Quảng Ngãi	BA00173840	CCL	BHYT	1.000.000			576.564		576.564	423.436	
257	Lê Hoàng	Thôn 3-Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173841	CCL	BHYT	1.200.000					0	1.200.000	
258	Đoàn Minh Phụng	tdp 14-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173679	NOI	BHYT	300.000		126.636	0	0	126.636	173.364	
259	Trần Tuấn Kiệt	Tổ Dân Phố 3, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00173701	KTN	BHYT	400.000		49.868	0	0	49.868	350.132	
260	Nguyễn Thị Tộ	Tân Phong, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00172451	NOI	BHYT	3.000.000		0		2.800.000	2.800.000	200.000	
261	Thạch Tuấn	tdp 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173816	KTN	BHYT	300.000		193.212		0	193.212	106.788	
262	Trương Kim Ngọc Tân	văn định-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00175467	CCL	BHYT	600.000		150.280	167.120	0	317.400	282.600	
263	Trương Minh Nhiên	tam ích-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173439	NOI	BHYT	1.100.000		678.338	169.200	0	847.538	252.462	
264	Nguyễn Thị Diễm Phúc	PHÚ VÂN-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173485	NHI	BHYT	800.000		698.231	0	0	698.231	101.769	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
265	Nguyễn Thị Nhường	Hậu phước-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173830	NOI	BHYT	2.000.000		0	0	1.600.000	1.600.000	400.000	
266	Nguyễn Thị Thu Dung	Xuân phong-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00174997	NOI		1.200.000	668.402	0		0	668.402	531.598	
267	Võ Uyển Ân	thôn nam-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00175470	NHI		600.000	594.734	0		0	594.734	5.266	
268	Nguyễn Thanh Sang	phước thuận-Xã Ninh Đông-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00175928	NTH	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
269	Nguyễn Hữu Tấn	Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00175502	NTH		900.000	806.268				806.268	93.732	
270	Tạ Minh Châu	Khu Phố 6-Thị Trấn Liên Hương-Huyện Tuy Phong-Tỉnh Bình Thuận	BA00176427	CCL		1.100.000	466.400	0		550.100	1.016.500	83.500	
271	Lê Nguyễn Cẩm Chi	TDP Phong Phú 1, Phường Ninh Giang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00175784	NHI	BHYT	300.000		222.488	0		222.488	77.512	
272	Nguyễn Thị Bén	Thôn Bình Thành, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00176451	NOI	BHYT	500.000		104.940			104.940	395.060	
273	Đoàn Thị Dương Hồng Thảo	Tổ Dân Phố 1, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00175492	NOI	BHYT	800.000	0	450.410		0	450.410	349.590	
274	Nguyễn Đình Đông	phú thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00176453	KTN	BHYT	1.000.000		369.742	423.000	0	792.742	207.258	
275	Lê Thanh Vũ	Khu phố Long Hải Bắc-Phường Xuân Yên-Thị xã Sông Cầu-Tỉnh Phú Yên	BA00176782	CCL	BHYT	500.000		0	338.400	0	338.400	161.600	
276	Nguyễn Thị Kế	Vân Thạch-Ninh Xuân-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00175813	NOI	BHYT	2.000.000				1.600.000	1.600.000	400.000	
277	Huỳnh Tấn Phong	Xuân Hoà 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00171585	PHCN	BHYT	600.000	0	323.754		0	323.754	276.246	
278	Đinh Ngọc Phương Thảo	tđp 10-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00176433	KTN		500.000	452.240	0		0	452.240	47.760	
279	Nguyễn Thị Đi	Thôn Lam Sơn, Ninh Sim, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00176725	LCK	BHYT	500.000	0	187.639		0	187.639	312.361	
280	Phan Thị Xê	Tổ Dân Phố Phước Sơn, Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00176838	CCL	BHYT	500.000		0	338.400	0	338.400	161.600	
281	Võ Văn Đành	Thạch Thành-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00176940	HSTC	BHYT	400.000		0	338.400	0	338.400	61.600	
282	Trần Hải Quân	Tổ Dân Phố Thanh Châu, Ninh Giang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00176943	CCL	BHYT	1.000.000		179.340	338.400	0	517.740	482.260	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
283	Trần Văn Bốn	Tổ dân phố 14, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00176516	NOI	BHYT	300.000		186.819	0	0	186.819	113.181	
284	Nguyễn Quang Bình	tân lâm-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00177403	NTH		600.000	336.238	0		0	336.238	263.762	
285	Y - Trọng Ksor	Buôn M'bon A, Xã Ea Trang, Huyện M'Drắk, Tỉnh Đắk Lắk	BA00176517	NOI	BHYT	300.000	0	222.677		0	222.677	77.323	
286	Thái Thị Phụng	Đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00177789	NOI	BHYT	600.000		171.497	338.400	0	509.897	90.103	
287	Nguyễn Thanh Trọng	Tân Khánh 1, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00174828	NOI	BHYT	200.000		0	167.600		167.600	32.400	
288	Trần Thị Hồng Phước	Tdp 7, Ninh Hiệp, Ninh Hoà, Khánh Hoà	BA00178565	CCL	BHYT	600.000		172.400	335.200		507.600	92.400	
289	Nguyễn Xuân Phương	Tân Lập, Ninh Sim,Ninh Hoà,Khánh Hoà	BA00178470	CCL	BHYT	600.000		24.304	335.200		359.504	240.496	
290	Nguyễn Tiến Cảnh	Lam Sơn, Ninh Sim,Ninh Hoà, Khánh Hoà	BA00178378	CCL	BHYT	400.000		155.320	167.600		322.920	77.080	
291	Huỳnh Trung Kiên	Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178275	CCL		300.000	241.170				241.170	58.830	
292	Đào Thị Thường	mỹ chánh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178658	KTN		1.000.000			807.105		807.105	192.895	
293	Phạm Thị Lan	Thôn Hội Phú Nam 1, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00177388	NOI	BHYT	300.000	0	279.689		0	279.689	20.311	
294	Nguyễn Xuân Đức	tổ 3-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00177799	HSTC	BHYT	400.000	0	0		335.200	335.200	64.800	
295	Nguyễn Thị Ba	Vạn Giã, Vạn Ninh, Ninh Hoà, Khánh Hoà	BA00178722	CCL		1.000.000	271.378	0		335.200	606.578	393.422	
296	Phạm Văn Tư	Thôn Diêm Tịnh-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178764	CCL	BHYT	400.000				335.200	335.200	64.800	
297	Cao Thị Soài	suối sâu-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00177791	NHI		1.500.000	1.033.032	0		0	1.033.032	466.968	
298	Cb Cao Thị Ngọc	suối sâu-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00176774	NHI		2.500.000	1.547.605	0		0	1.547.605	952.395	
299	Cao Văn Thiện	vinh huê-Xã Vạn Phú-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178828	CCL	BHYT	1.200.000	0	262.020		335.200	597.220	602.780	
300	Lê Văn Cư	hội phú bắc 2-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178851	HSTC	BHYT	700.000		233.676	0	335.200	568.876	131.124	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
301	Kiều Minh Châu	Hưu Trí, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh hoà	BA00179148	CCL	BHYT	400.000		0	0	335.200	335.200	64.800	
302	Võ Thị Trang	Nội mĩ -Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178285	KTN	BHYT	500.000	0	421.795		0	421.795	78.205	
303	Ngô Nguyễn Phương Uyên	PHÚ THẠNH-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178730	KTN	BHYT	800.000	0	360.906		419.000	779.906	20.094	
304	Dương Lợt	phước đa 1-Phường Ninh Đa-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00177410	HSTC	BHYT	400.000		0	0	335.200	335.200	64.800	
305	Nguyễn Thị Trúc My	Phú diêm-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00179558	KTN		770.000	761.476	0		0	761.476	8.524	
306	Nguyễn Anh Sơn	Tổ dân phố Cầu 7-Phường Thụy Phương-Quận Bắc Từ Liêm-Thành phố Hà Nội	BA00180067	CCL		100.000	84.900	0		0	84.900	15.100	
307	Nguyễn Thị Thuý Vân	Tân Hưng-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180090	CCL		700.000	237.976	0		0	237.976	462.024	
308	Phạm Thị Kiên	phú hữu-Xã Ninh Ích-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178738	HSTC	BHYT	650.000		0	0	567.180	567.180	82.820	
309	Ngô Thị Diên	Đại cát 1, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00179245	LCK	BHYT	300.000		228.835	0	0	228.835	71.165	
310	Phạm Huyền Linh	Trường lộc-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00179675	KTN	BHYT	300.000		203.450	0	0	203.450	96.550	
311	Nguyễn Phan Gia Hân	Tổ dân phố 10, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00179717	KTN	BHYT	300.000		213.095	0	0	213.095	86.905	
312	Cb Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Văn Định-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180072	NHI		1.060.000	931.294	0		0	931.294	128.706	
313	Nguyễn Cụt	Thôn Phú Sơn, Xã Ninh Trung, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00180463	CCL	BHYT	200.000		0	0	162.080	162.080	37.920	
314	Đoàn Thị Thúy	Thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180724	CCL	BHYT	700.000		80.769	0	324.160	404.929	295.071	
315	Nguyễn Tài	Xuân Mỹ-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180738	NTH	BHYT	300.000	0	26.367		0	26.367	273.633	
316	Nguyễn Đức Hoà	hà thanh 2-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180889	CCL		1.000.000	275.250	0		712.180	987.430	12.570	
317	Phan Thị Chà	Thôn Hội Phú Bắc2, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00180951	CCL	BHYT	400.000				362.160	362.160	37.840	
318	Ngô Thị Bích Lệ	Tổ Dân Phố 17, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00177462	PHCN	BHYT	300.000		175.720	0	0	175.720	124.280	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
319	Trần Thị Máy	Phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178666	NOI	BHYT	100.000		47.619	0	0	47.619	52.381	
320	Nguyễn Đức Thần	Thôn Đồng Thân, Xã Ninh Thượng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00180627	PHCN	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
321	Nguyễn Văn Tỵ	Thôn Vân Thạch, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00172512	HSTC	BHYT	800.000			795.000		795.000	5.000	
322	Nguyễn Ngọc Diễm	Tổ Dân Phố Hà Thanh 2, Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00180699	KTN	BHYT	500.000	0	412.011		0	412.011	87.989	
323	Nguyễn Thị Huyền	thôn xóm mới, Xã Ninh Tây, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00182008	LCK	BHYT	500.000	0	148.414		0	148.414	351.586	
324	Phạm Cập	Đại cát 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00182258	NOI	BHYT	500.000	0	147.093		162.080	309.173	190.827	
325	Trần Khiết	đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00182389	NOI	BHYT	200.000	0	0		162.080	162.080	37.920	
326	Nguyễn Công Viên	Phước lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00173494	HSTC	BHYT	2.800.000		451.782	1.680.000		2.131.782	668.218	
327	Trương Văn Thạnh	Chấp lễ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00182646	CCL	BHYT	400.000		0		324.160	324.160	75.840	
328	Trần Chánh	Tổ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180445	NOI	BHYT	100.000		0	0	52.676	52.676	47.324	
329	Đinh Thị Nữ	đại tập-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00182419	NOI		1.000.000	636.965	0		0	636.965	363.035	
330	Phan Thị Phiếu	Phước Đa 1, Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00179049	PHCN	BHYT	300.000		225.360	0		225.360	74.640	
331	Nguyễn Phúc Thiện	Thôn Tân Bình, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	BA00183006	NHI	BHYT	330.000		0		324.160	324.160	5.840	
332	Huỳnh Hiến	Thôn Hội Phú Nam 1, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00180897	CCL	BHYT	330.000		0		324.160	324.160	5.840	
333	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00181055	KTN	BHYT	500.000		474.598			474.598	25.402	
334	H Yai	Thôn Buôn Lác, Ninh Tây, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00181339	NOI	BHYT	800.000		470.565			470.565	329.435	
335	Lê Thị Nhôm	Phước sơn-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00181559	NOI	BHYT	500.000		385.279			385.279	114.721	
336	Trần Thị Linh	Tân Hiệp, Ninh Thượng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00182027	HSTC	BHYT	1.500.000		1.460.014			1.460.014	39.986	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
337	Phạm Thị Thu Hòe	tam ích-Xã Ninh Lộc-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00182802	LCK		400.000	319.153	0			319.153	80.847	
338	Nguyễn Thị Năm	Thôn Lam Sơn xã Ninh Sim, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00180938	NTH	BHYT	388.000	0	0		200.080	200.080	187.920	
339	Hồ Viễn Linh	Thôn 3, Cư KTy, Krông Bông, Đắk Lắk	BA00181994	KTN	BHYT	500.000	0	164.770		0	164.770	335.230	
340	Phan Văn Cường	Thôn 4-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00182791	KTN	BHYT	500.000	0	208.619		0	208.619	291.381	
341	Võ Thị Thu Sương	Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00183344	CCL	BHYT	500.000	0	0		324.160	324.160	175.840	
342	Nguyễn Thị Mỹ Linh	thôn 2-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00183359	CCL	BHYT	700.000	0	0		324.160	324.160	375.840	
343	Lê Văn Minh	Thôn Phú Đa, Ninh Hưng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00182653	NOI	BHYT	300.000	0	100.569		0	100.569	199.431	
344	Lê Văn Hiệp	Thôn Nghi Phụng, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00182941	KTN	BHYT	300.000	0	212.730		0	212.730	87.270	
345	Hà Long Tuyền	Hà Thanh 2-Phường Ninh Đa - Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa	BA00174654	HSTC	BHYT	500.000			493.576		493.576	6.424	
346	Vàng Thị Đáng	Thôn Cư Tê, Xã Cư Pui, Huyện Krông Bông, Tỉnh Đắk Lắk	BA00183301	NTH		1.000.000	927.747	0		0	927.747	72.253	
347	Nguyễn Thị Cung	Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00183366	NTH	BHYT	300.000		230.184	0	0	230.184	69.816	
348	Nguyễn Văn Ty	phước lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00183741	CCL	BHYT	700.000		0	0	324.160	324.160	375.840	
349	Bùi Duy	Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00183295	NTH	BHYT	400.000	0	0		324.160	324.160	75.840	
350	Nguyễn Thị Ngọc	lạc an-Xã Ninh Thọ-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00184311	CCL	BHYT	330.000	0	0		324.160	324.160	5.840	
351	Trần Thị Phụng	Thôn Nam, Ninh Tân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00183282	NOI	BHYT	700.000		577.604	0	0	577.604	122.396	
352	Cao Thị Bé Lan	Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00184041	NHI		1.000.000	975.747	0		0	975.747	24.253	
353	Cao Thị Nuôi	thôn tây-Xã Ninh Phước-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185192	CCL	BHYT	500.000		0	0	324.160	324.160	175.840	
354	Trần Ngọc Minh	Phú Thạnh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	T256561100693	HSTC	BHYT	780.000	493.576	0		0	493.576	286.424	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
355	Hồ Thị Nhung	Sơn lộc-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	25656210186	KTN	BHYT	700.000	0	0		0	0	700.000	
356	Phan Thị Minh Tâm	tân Thủy-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185716	KTN	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
357	Phan Thành An	Hội Khánh Đông-Xã Vạn Khánh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hoà	BA00177120	HSTC	BHYT	400.000		0	387.152	0	387.152	12.848	
358	Phạm Ngọc Tường Vi	Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185199	KTN	BHYT	300.000		202.106	0	0	202.106	97.894	
359	Nguyễn Kiến Huân	Xuân tây-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00184732	KTN	BHYT	600.000	0	539.497		0	539.497	60.503	
360	Huỳnh Dũng	Phước Lộc-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185797	NTH	BHYT	300.000	0	113.630		0	113.630	186.370	
361	Nguyễn Thị Phương Dung	Phú Văn, Xã Ninh Trung, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00186329	NOI	BHYT	500.000	0	77.807		0	77.807	422.193	
362	Lê Thị Ái	Thôn Sơn Lộc, Ninh An, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00185385	LCK	BHYT	500.000		442.920	0	0	442.920	57.080	
363	Lê Tý	hội phú nam-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185803	HSTC	BHYT	500.000		387.264	0	0	387.264	112.736	
364	Trần Đình Luận	Bình Thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185805	NOI		700.000	685.211	0		0	685.211	14.789	
365	Nguyễn Đức Vũ	Tổ 2-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00185688	NOI	BHYT	500.000		392.302	0	0	392.302	107.698	
366	Hồ Trung Phi	Thôn Thạch Thành, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00187010	NOI		1.000.000	262.472	0		431.784	694.256	305.744	
367	Lê Thanh Tú	Thôn Xóm Mới, Ninh Tây, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00187443	CCL	BHYT	1.000.000		0	0	319.840	319.840	680.160	
368	Nguyễn Thị Kim Vương	TỔ 1- ĐÔNG HẢI-Phường Ninh Hải-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178516	HSTC	BHYT	3.470.000			3.430.728		3.430.728	39.272	
369	Trần Quốc Dũng	hà liên-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178706	HSTC	BHYT	1.090.000			1.070.728		1.070.728	19.272	
370	Đào Thị Thu Hà	Tân phước nam-Xã Vạn Phước-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00178707	HSTC	BHYT	490.000			480.728		480.728	9.272	
371	Phạm Thị Gái	Tổ 12-Phường Ninh Hiệp-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00178934	PHCN	BHYT	800.000	0	789.800		0	789.800	10.200	
372	Nguyễn Minh Trúc	Cát Hưng, Phù Cát, Bình Định, Xã Cát Hưng, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	BA00187022	NTH	BHYT	400.000	0	85.692		0	85.692	314.308	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
373	Phạm Quốc Tài	Phú Lương-Xã Hòa Tân Đông-Thị xã Đông Hòa-Tỉnh Phú Yên	BA00187199	NTH		700.000	462.973	0		0	462.973	237.027	
374	Nguyễn Thị Ngọc Hoà	Thôn 1, Xã Ninh Thượng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00187625	LCK	BHYT	500.000	0	0		0	0	500.000	
375	Bùi Ngọc Hà	Văn Định, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00187633	CCL	BHYT	500.000	0	140.170		0	140.170	359.830	
376	Phạm Thanh Quang	Ninh Ích, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00187634	CCL	BHYT	600.000	0	164.110		319.840	483.950	116.050	
377	Phan Thị Mười	Tân Mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00187727	CCL	BHYT	400.000	0	0		319.840	319.840	80.160	
378	Trương Thị Bích Ngọc	Tổ dân phố Vạn Thiện, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00187179	NOI	BHYT	400.000		332.675	0	0	332.675	67.325	
379	Huỳnh Thị Lay	Thôn Phú Gia-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188052	CCL	BHYT	500.000		0	0	325.280	325.280	174.720	
380	Ngô Thị Thu Hiền	phước đa 2-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188122	NTH	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
381	Trần Kim Tỵ	Ngũ Mỹ- ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188166	CCL	BHYT	800.000		128.937		325.280	454.217	345.783	
382	Phùng Ngọc Tân	Thôn Phong Ấp, Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00187410	KTN	BHYT	200.000		63.549			63.549	136.451	
383	Hoàng Thị Tú Trinh	ký đồng -Thị trấn Kỳ Đồng-Huyện Kỳ Anh-Tỉnh Hà Tĩnh	BA00188125	CCL		700.000	607.364				607.364	92.636	
384	Trần Thị Kim Chi	Mỹ Hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188156	NTH	BHYT	300.000		85.905	94.200	38.000	218.105	81.895	
385	Cao Thanh Diệp	Suối Sâu-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188539	CCL	BHYT	400.000				325.280	325.280	74.720	
386	Nguyễn Lê Quốc Dũng	VĨNH PHƯỚC-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188748	CCL	BHYT	500.000		38.872		325.280	364.152	135.848	
387	Nguyễn Sáng	Phước Đa 1, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00188290	PHCN	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
388	Lê Mỹ	Phước Lý-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188438	KTN	BHYT	300.000	0	173.760		0	173.760	126.240	
389	Hoàng Nam Thắng	Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188987	NTH	BHYT	300.000	0	105.225		38.000	143.225	156.775	
390	Lê Thị Kim Hồng	192/10 Núi Thành-Phường Hòa Cường Bắc-Quận Hải Châu-Thành phố Đà Nẵng	BA00189095	NOI	BHYT	200.000	0	18.060		0	18.060	181.940	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
391	Nguyễn Thị Sỹ	Thôn Đồng Xuân-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180215	HSTC	BHYT	480.000			474.304		474.304	5.696	
392	Huỳnh Thị Hồng	phủ nghĩa-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00189358	CCL	BHYT	800.000		240.386		406.600	646.986	153.014	
393	Đình Văn Tâm	Thôn Diêm Tịnh, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00189419	CCL		1.200.000	148.640			948.568	1.097.208	102.792	
394	Phạm Thị Hồng Thảo	Thôn Xuân Mỹ, Xã Ninh Thọ, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00189428	NTH	BHYT	300.000		162.637			162.637	137.363	
395	Phạm Sinh Lộc	Tổ 15-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189494	CCL	BHYT	500.000		155.790		162.640	318.430	181.570	
396	Trần Xuân Hải	Nông Trường-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189512	CCL	BHYT	700.000		160.810		162.640	323.450	376.550	
397	Lương Ngọc Văn	VÂN THẠCH-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00180912	HSTC	BHYT	740.000		0	719.304	0	719.304	20.696	
398	Lưu Thị Ngọc Bích	Thôn 5, Ninh Sơn, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00188135	NOI	BHYT	500.000	0	389.423		0	389.423	110.577	
399	Trương Thị Thành	Tân lập, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00188876	HSTC	BHYT	400.000	0	4.762		325.280	330.042	69.958	
400	Nguyễn Thị Sáng	quang đông-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189687	NTH	BHYT	1.000.000	0	281.880		438.000	719.880	280.120	
401	Nguyễn Thị Bích Hòa	Tân Mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188112	KTN	BHYT	700.000	0	633.564		0	633.564	66.436	
402	Lê Văn Trương	Tổ 12-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188670	NOI	BHYT	700.000	0	512.660		0	512.660	187.340	
403	Đỗ Sĩ Lực	đồng đa-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189086	NTH		1.300.000	1.253.918	0		0	1.253.918	46.082	
404	Võ Thị Thu Hiền	thôn 2-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189992	NTH		1.200.000	160.836	0		875.380	1.036.216	163.784	
405	Đỗ Thị Lộc	Thôn 4-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190156	HSTC		1.000.000	981.556	0		0	981.556	18.444	
406	Phan Thanh Quốc	Thôn Mỹ Giang, Ninh Phước, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00189917	LCK	BHYT	1.500.000		128.604	0	0	128.604	1.371.396	
407	Lê Khôi Nguyên	Thôn Nhĩ Sự, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00190021	NHI	BHYT	350.000		0	0	330.720	330.720	19.280	
408	Võ Cày	Tân Lập-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190260	NOI	BHYT	600.000		161.834	0	330.720	492.554	107.446	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
409	Ngô Quý Trung Kiên	XÓM MỐI-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190275	CCL	BHYT	1.500.000	0	215.210	0	368.720	583.930	916.070	
410	Phan Thị Hương	Hội Phú Nam, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00190340	CCL	BHYT	340.000				330.720	330.720	9.280	
411	Đinh Thị Lệ	Trường châu-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189768	LCK	BHYT	500.000		342.991	0	0	342.991	157.009	
412	Nguyễn Tuấn Huy	thôn 1-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190161	LCK		1.000.000	899.789	0		0	899.789	100.211	
413	Phạm Anh Tâm	Tổ 14-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190230	NOI	BHYT	300.000		164.252	0	0	164.252	135.748	
414	Nguyễn Thị Đây	thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190384	CCL	BHYT	400.000		0	0	330.720	330.720	69.280	
415	Lê Mai Gia Bảo	lạc an-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00189296	NHI	BHYT	700.000					0	700.000	
416	Trần Thị Lệ Tuyết	Tân Lập-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190363	KTN	BHYT	300.000		183.501			183.501	116.499	
417	Đoàn Thị Đình	TDP Ngân Hà, Phường Ninh Thủy, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00190574	NTH	BHYT	400.000		297.512			297.512	102.488	
418	Phạm Thành Đài	Tân Hưng-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00191217	CCL		2.000.000	766.678			831.212	1.597.890	402.110	
419	Nguyễn Thị Kim Loan	Đồng Xuân-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190241	NOI	BHYT	500.000		366.246			366.246	133.754	
420	Cao Mạnh	SÔNG BÚNG-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00191313	CCL		50.000	45.000				45.000	5.000	
421	Nguyễn Thanh Lam	Phước Thung-Xã Mỹ Phong-Huyện Phù Mỹ-Tỉnh Bình Định	BA00191329	CCL		1.500.000	376.462			880.820	1.257.282	242.718	
422	Trần Chánh	Tổ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188664	NOI	BHYT	100.000				52.858	52.858	47.142	
423	Nguyễn Văn Hiếu	tổ 11-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190376	NTH	BHYT	300.000		201.745			201.745	98.255	
424	Nguyễn Thị Yến Vi	xuân tây-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190895	KTN	BHYT	500.000		152.402			152.402	347.598	
425	Nguyễn Ngọc Thành	Sơn Lộc-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00191325	NOI	BHYT	300.000		142.941			142.941	157.059	
426	Phạm Văn Thành	Thôn Tân Quang, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00191529	KTN		500.000	478.911				478.911	21.089	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
427	Đặng Thị Này	Thôn Eakrông, Cư San, Huyện M'Drăk, Đắk Lắk	BA00190672	NTH	BHYT	100.000		0	62.770	0	62.770	37.230	
428	Liều Văn Cương	Xã Cư San-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00192197	CCL	BHYT	350.000		0		330.720	330.720	19.280	
429	Nguyễn Thị Sen	Phong Ấp-Ninh Bình-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00192249	CCL	BHYT	800.000		204.406		330.720	535.126	264.874	
430	Lê Văn Hội	Phú Gia-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00190805	KTN	BHYT	1.000.000		563.404	0	0	563.404	436.596	
431	Lê Mỹ	Phước Lý-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192307	CCL	BHYT	700.000		164.759		165.360	330.119	369.881	
432	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tân Mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00191718	KTN	BHYT	500.000		449.422			449.422	50.578	
433	Lê Văn Hội	Phú Gia-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192328	KTN	BHYT	900.000		173.981		330.720	504.701	395.299	
434	Nguyễn Thị An	Vạn thiện-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192339	NTH	BHYT	100.000				74.412	74.412	25.588	
435	Trần Thị Huyền Trân	TDP Thuận Lợi, Phường Ninh Hà, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00192350	NTH	BHYT	300.000		183.637			183.637	116.363	
436	Y Đa	Buôn tương-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188661	NOI	BHYT	350.000				330.720	330.720	19.280	
437	Huỳnh Anh Tấn	vạn thiện-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192336	KTN	BHYT	300.000	0	138.793		0	138.793	161.207	
438	Phạm Thị Thu	Thôn Chắp Lễ, Ninh Thân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00192290	HSTC	BHYT	200.000				136.422	136.422	63.578	
439	Hoàng Văn Yên	ngũ mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00192334	NTH	BHYT	300.000		160.112			160.112	139.888	
440	Lù Thị Chính	Thôn Ea Sanh -Xã Cư San-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00193104	SAN	BHYT	300.000			117.200		117.200	182.800	
441	Nguyễn Văn Tấn	Lam Sơn-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193129	CCL	BHYT	300.000				177.762	177.762	122.238	
442	Nguyễn Thị Thơ	Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192514	NOI	BHYT	500.000		285.153	0	0	285.153	214.847	
443	Lê Nhật Ánh	Thôn 4-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192670	NTH	BHYT	500.000		164.262	0	0	164.262	335.738	
444	Nguyễn Văn Thâu	Thôn Vĩnh Phước, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00193291	NOI	BHYT	500.000		146.866	0	330.720	477.586	22.414	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
445	Nguyễn Thị Liên	Phước Sơn-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193528	CCL	BHYT	500.000		0	0	330.720	330.720	169.280	
446	Huỳnh Văn Anh	THUYẾT ĐÀM-Phường Ninh Thủy-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193743	CCL	BHYT	800.000		230.984	85.204	368.720	684.908	115.092	
447	Trần Bình	Thôn Tân Lập, Ninh Sim, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00193757	CCL	BHYT	200.000		87.335	0	0	87.335	112.665	
448	Lê Minh Tâm	Thôn Nam, Xã Ninh Tân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00192252	NTH	BHYT	500.000	0	359.799		38.000	397.799	102.201	
449	Trần Thị Linh	tân hiệp-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192754	HSTC	BHYT	2.200.000		1.855.648			1.855.648	344.352	
450	Lê Thanh Hậu	vĩnh phước-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193111	NTH	BHYT	300.000		205.475			205.475	94.525	
451	Nguyễn Ngọc Khánh Hân	thôn Mỹ Lợi, Xã Ninh Lộc, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00193442	NHI	BHYT	500.000		202.096			202.096	297.904	
452	Trương Văn Thanh	PHƯỚC SƠN-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192576	NTH		7.200.000	7.091.900	0		38.000	7.129.900	70.100	
453	Niê Y Tóa	Thôn Buôn Tương, Ninh Tây, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00192747	KTN	BHYT	500.000	0	465.310		0	465.310	34.690	
454	Võ Tốt	Hội Phú nam-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00192863	NOI	BHYT	300.000	0	113.794		0	113.794	186.206	
455	Trần Hoàng Vũ	Lạc Bình-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194159	NOI	BHYT	300.000	0	88.333		0	88.333	211.667	
456	H-Nhung	Buôn Sim-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194289	SAN	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
457	Nguyễn Thị Tuyết Phương	Đại Cát 2-xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193899	NOI	BHYT	500.000		143.035			143.035	356.965	
458	Ngô Thị Bợ	Phú Thạnh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193880	KTN	BHYT	160.000		0		150.320	150.320	9.680	
459	Trương Thị Bảy	Vạn Hữu-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00193103	KTN	BHYT	400.000	0	325.541		0	325.541	74.459	
460	Nguyễn Thị Bin	Thôn Thạch Định, Ninh Trung, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00194458	CCL	BHYT	700.000	0	0		255.544	255.544	444.456	
461	Nguyễn Thị Hiệp	Tân Tứ-Ninh Thượng-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00194465	CCL		1.500.000	971.144			300.640	1.271.784	228.216	
462	Trần Văn Chiến	Thôn Đại Tập, Ninh Thân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00194468	LCK	BHYT	400.000				38.000	38.000	362.000	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
463	H - Sương Niê	BUÔN MLiã-Xã Ea Trang-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00194763	CCL	BHYT	350.000				300.640	300.640	49.360	
464	Hồ Trung	Phong Phú 2-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194867	CCL		900.000	342.604			300.640	643.244	256.756	
465	H Kiều	Xã Ea Trang-Huyện M'Drăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00193719	NHI		2.000.000	1.944.312	0		0	1.944.312	55.688	
466	Nguyễn Thị Hào	tổ 10-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194433	LCK	BHYT	300.000	0	123.903		0	123.903	176.097	
467	Cao Thị Mỹ Duyên	Xóm mới-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194435	LCK	BHYT	300.000	0	101.102		0	101.102	198.898	
468	Nguyễn Thị Khoan	Tân Phong-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194444	KTN	BHYT	300.000	0	150.584		0	150.584	149.416	
469	Lê Thị Thân	phú hữu-Xã Ninh Ích-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194979	CCL		1.150.000	244.380	0		850.740	1.095.120	54.880	
470	Ông Văn Hòa	mỹ giang-Xã Ninh Phước-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195034	CCL		1.200.000	597.656	0		300.640	898.296	301.704	
471	Phan Thị Hóa	Phú thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194788	NOI	BHYT	300.000	0	143.133		0	143.133	156.867	
472	Nguyễn Đức Hoàn Uy	Hà Liên-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194950	NHI	BHYT	300.000	0	153.571		0	153.571	146.429	
473	Võ Văn Thảo	mỹ thuận-Xã Cát Hưng-Huyện Phú Cát-Tỉnh Bình Định	BA00195205	NOI	BHYT	500.000	0	94.155		0	94.155	405.845	
474	Nguyễn Đức Hoan	nội mỹ-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195390	CCL	BHYT	500.000	0	0		0	0	500.000	
475	Trà Tàu	Tân Lập-Ninh Sim-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00192224	NOI	BHYT	3.100.000		2.835.739		150.320	2.986.059	113.941	
476	Trần Thị Ánh	ninh diên-Xã Ninh Thọ-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194384	NOI	BHYT	500.000		324.261	0	0	324.261	175.739	
477	Nguyễn Minh Huy	MỸ trạch-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194787	NOI	BHYT	300.000		184.245	0	0	184.245	115.755	
478	Trần Trung Hậu	Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195442	NTH		1.000.000	619.867	0		0	619.867	380.133	
479	Lê Thị Sấn	Vân Thạch-Ninh Xuân-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00194066	NOI	BHYT	200.000				150.320	150.320	49.680	
480	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	hoà thiện 2-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195807	LCK		735.000	425.567	0		300.000	725.567	9.433	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
481	Lê Quốc Thiệt	Thôn Mỹ Hoán, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00195815	NOI	BHYT	500.000	0	143.645		0	143.645	356.355	
482	Lê Văn Lợi	Mỹ Thuận-Ninh Hà-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00196010	NOI	BHYT	600.000		220.995		150.320	371.315	228.685	
483	Lưu Thái	Tổ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196189	CCL	BHYT	500.000	0	0		300.640	300.640	199.360	
484	Trần Kim Ty	NGŨ MỸ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196341	CCL	BHYT	700.000	0	90.412		150.320	240.732	459.268	
485	Hà Sỹ Thơ	Thôn Lạc Bình, Xã Ninh Thọ, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00196381	CCL	BHYT	300.000	0	0		150.320	150.320	149.680	
486	Trần Quốc Dũng	hà liên-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00188072	HSTC	BHYT	1.090.000			1.011.092		1.011.092	78.908	
487	Phạm Hoàng Thiên An	tân hiệp-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194423	NHI	BHYT	400.000					0	400.000	
488	Nguyễn Hữu Tường	Tổ 16-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196621	CCL	BHYT	500.000		22.600		150.320	172.920	327.080	
489	Đỗ Văn Cường	Thôn Phước Lâm, Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00196705	CCL	BHYT	800.000		140.626		300.640	441.266	358.734	
490	Nguyễn Tôn Thành Đạt	Thôn Đại Cát 1, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00196162	KTN	BHYT	300.000		183.933	0	0	183.933	116.067	
491	Trương Đức Vạn Toàn	Thôn Phước Lý, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00196741	NTH	BHYT	500.000		92.186	26.355	0	118.541	381.459	
492	Nguyễn Thị Anh	Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196783	CCL	BHYT	700.000		155.706	0	300.640	456.346	243.654	
493	Lê Văn Công Thiện	hoà thiện 1-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196797	CCL	BHYT	512.000		0	0	405.864	405.864	106.136	
494	Trần Văn Trường	ngọc sơn-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196800	CCL	BHYT	310.000		0	0	300.640	300.640	9.360	
495	Nguyễn Thị Kim Dung	phước lý-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196803	CCL	BHYT	300.000		137.766	0	0	137.766	162.234	
496	Trần Cao Phương Uyên	thôn 1-Xã Ninh Thượng-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00196207	LCK	BHYT	300.000		201.125	0	0	201.125	98.875	
497	Trần Thị Sâm	Tổ DP Phong Phú 2, Phường Ninh Giang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00193649	PHCN	BHYT	300.000	0	247.000		0	247.000	53.000	
498	Nguyễn Thành Danh	lệ cam-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196345	NTH	BHYT	1.300.000	0	355.948		38.000	393.948	906.052	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
499	Nguyễn Thị Nhuận	mỹ á-Phường Ninh Thủy-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197289	CCL	BHYT	500.000	0	161.836		150.320	312.156	187.844	
500	Nguyễn Thị Nhuận	Mỹ Á-Phường Ninh Thủy-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197291	CCL		100.000	78.600	0		0	78.600	21.400	
501	Trần Thị Hồng	Bình Thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197295	NOI	BHYT	500.000	0	0		0	0	500.000	
502	Trần Nguyễn Gia Khôi	xóm mới -Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196611	LCK	BHYT	1.000.000	0	0		900.000	900.000	100.000	
503	Lâm Dung	Tổ 8-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196831	LCK	BHYT	500.000	0	341.331		0	341.331	158.669	
504	Lê Thị Hoàng Chiến	TÂN KIỀU-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196859	NOI		700.000	646.006	0		0	646.006	53.994	
505	Vũ Gia Quyền	34/18 Thái Nguyên, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	BA00196920	NTH	BHYT	500.000	0	155.029		38.000	193.029	306.971	
506	Nguyễn Thị Hồng Vân	TUẦN THỪA-Xã Ninh Bình-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00191056	PHCN	BHYT	600.000		303.260	0	0	303.260	296.740	
507	Phan Thanh Sơn	Tổ 17-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195436	HSTC	BHYT	3.135.000		3.130.000	0	0	3.130.000	5.000	
508	Nguyễn Thành Tựu	Phú Văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197301	NOI	BHYT	300.000		148.080	0	0	148.080	151.920	
509	Nguyễn Thị Luyến	tổ 8-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197772	CCL	BHYT	500.000		38.801	0	300.640	339.441	160.559	
510	Đặng Thị Kiều Oanh	Thôn 3, Xã Ninh Thượng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00197780	KTN	BHYT	300.000					0	300.000	
511	Bùi Văn Mỹ	tổ dân phố 17, Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh	BA00197842	NOI	BHYT	400.000		40.647		300.640	341.287	58.713	
512	Phó Thị Ngọc Châu	tổ dân phố 13, Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh	BA00197874	CCL	BHYT	360.000				349.494	349.494	10.506	
513	Đỗ Thị Mỹ Trâm	Thạch Định-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00196842	NTH	BHYT	400.000	0	275.117		0	275.117	124.883	
514	Hà Thị Phới	Thôn Tiên Du 1, Ninh Phú, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00197717	KTN	BHYT	500.000	0	210.770		0	210.770	289.230	
515	Nguyễn Huy Thục	Thôn Hòa Thiện 2, Xã Ninh An, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00196769	NTH	BHYT	500.000	0	402.321		38.000	440.321	59.679	
516	Nguyễn Thị Tiềm	Thôn Cháp Lễ, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00197183	NOI	BHYT	500.000		439.675	0	0	439.675	60.325	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
517	Nguyễn Văn Tuyển	Vĩnh Thạnh, Ninh Trung, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00197887	NTH	BHYT	500.000		437.694	0	0	437.694	62.306	
518	Hồ Đăng Duy	tổ 4-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00198011	NHI	BHYT	500.000		0	0	0	0	500.000	
519	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thạnh Mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00197767	LCK	BHYT	300.000		286.855	0	0	286.855	13.145	
520	Phạm Nhật Quỳnh	Phú Cang 2-Xã Vạn Phú-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00198093	KTN		1.300.000	1.271.430				1.271.430	28.570	
521	Phạm Thị Mộng	Thôn Suối Sâu, Ninh Tân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00198124	KTN		1.100.000	1.065.057				1.065.057	34.943	
522	Mai Hữu Trí	Tân Khánh 1, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00198161	NOI	BHYT	300.000		221.530			221.530	78.470	
523	Lê Thị Hồng	Phước đa 1-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199148	CCL	BHYT	350.000				311.200	311.200	38.800	
524	Lê Hùng	Xã Ninh Ích-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199308	CCL		1.000.000	652.173	0		342.320	994.493	5.507	
525	Trần Thị Phụ	tổ 7-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199498	CCL	BHYT	350.000	0	0		311.200	311.200	38.800	
526	Nguyễn Thị Thuận	Xuân hòa 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199504	CCL	BHYT	200.000	0	0		155.600	155.600	44.400	
527	Đào Lê Đức Anh	Mỹ Trạch, Phường Ninh Hà, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00198469	LCK		1.150.000	0	241.474		900.000	1.141.474	8.526	
528	Trương Hoàng Yến	phú hòa-Xã Ninh Quang-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00198697	NOI		500.000	0	229.996		0	229.996	270.004	
529	Trần Lót	Thôn Diêm Tịnh, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00198935	NOI		500.000	0	210.006		0	210.006	289.994	
530	Phạm Thị Mai	Tân Phong-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199194	NTH		300.000	0	157.834		0	157.834	142.166	
531	Nguyễn Thị Như Ý	Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199178	KTN	BHYT	300.000		204.637			204.637	95.363	
532	Đinh Ngọc Thiện	tân hưng, Xã Ninh Hưng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00199180	NTH	BHYT	300.000		246.966			246.966	53.034	
533	Nguyễn Thị Hiệp	Thôn Vạn Hữu, Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00199740	KTN	BHYT	500.000		133.608			133.608	366.392	
534	Lê Minh Hiếu	thôn đông-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199867	CCL	BHYT	300.000		0	88.057		88.057	211.943	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
535	Trần Anh An	Mỹ Lương-Phường Ninh Thủy-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200212	CCL	BHYT	600.000		126.206		305.120	431.326	168.674	
536	Lương Công Minh	Tân Quang-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200275	CCL	BHYT	350.000		9.524	0	305.120	314.644	35.356	
537	Võ Nài	Thạch Thành-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00198175	NOI	BHYT	300.000		47.619	0	80.000	127.619	172.381	
538	Lường Văn Hải	Thôn Nam Hạc, Hoằng Phong, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BA00198287	NTH	BHYT	800.000		459.991	0	0	459.991	340.009	
539	Võ Thị Ngọc	Tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199188	KTN	BHYT	300.000		190.423	0	0	190.423	109.577	
540	Trần Phùng Phúc Thịnh	Hậu phước-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200296	LCK	BHYT	400.000		0	0	387.722	387.722	12.278	
541	Phạm Thị Thùy Dương	Mỹ lợi-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200277	KTN	BHYT	300.000		137.670			137.670	162.330	
542	Bùi Lê Ngọc Tin	Phụng tường-Xã Hòa Trị-Huyện Phú Hoà-Tỉnh Phú Yên	BA00200376	CCL	BHYT	1.724.000		191.893		305.120	497.013	1.226.987	
543	Nguyễn Hùng	Đại mỹ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200340	HSTC	BHYT	500.000		261.282			261.282	238.718	
544	Phan Thị Vinh	TÂN SƠN-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200301	KTN	BHYT	300.000		289.368	0	0	289.368	10.632	
545	Huỳnh Thị Bộ	Ninh Ích-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200365	NOI	BHYT	300.000		186.906	0	0	186.906	113.094	
546	Lê Văn Nhở	hoà thiện 2-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200371	HSTC		2.500.000	2.434.857	0		0	2.434.857	65.143	
547	Hồ Năng	TỔ 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200821	KTN	BHYT	100.000		0	0	49.582	49.582	50.418	
548	Trần Thị Thuý Liễu	Đại cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199499	NOI	BHYT	600.000	0	488.927		0	488.927	111.073	
549	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200114	KTN	BHYT	500.000	0	391.407		0	391.407	108.593	
550	Cb H- Hoa Niê	BUÔN LÁC-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200321	NHI	BHYT	800.000	0	0		0	0	800.000	
551	Huỳnh Thái Nguyên	Phước Lộc-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200489	NOI	BHYT	300.000	0	143.386		0	143.386	156.614	
552	Nguyễn Thị Nga	Thôn Phước lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200893	NOI	BHYT	350.000	0	0		305.120	305.120	44.880	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
553	H' Ru Niê	Xã Ea Trang-Huyện M'Đrăk-Tỉnh Đắk Lắk	BA00201215	CCL	BHYT	350.000	0	0		305.120	305.120	44.880	
554	Trần Ngọc Yến Nhi	nhĩ sự-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00201236	LCK	BHYT	300.000	0	0		0	0	300.000	
555	Lê Nhật Tường Vy	Gò Sắn-Ninh Hưng-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00201242	SAN		300.000	272.987				272.987	27.013	
556	Ngô Nhật Huy	tổ 7-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00201325	CCL		100.000	45.452	0		0	45.452	54.548	
557	Đặng Văn Cường	Thuận mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200508	NOI	BHYT	300.000	0	208.334		0	208.334	91.666	
558	Trần Lê Gia Phát	Phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200789	KTN	BHYT	200.000	0	0		190.700	190.700	9.300	
559	Huỳnh Thị Kim Phụng	thạch thành-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200830	NOI	BHYT	300.000	0	162.821		0	162.821	137.179	
560	Ngô Nguyễn Hải Quang	tân Khánh 1-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00201240	KTN	BHYT	300.000	0	93.010		0	93.010	206.990	
561	Nguyễn Thị Kim Yến	Thôn Xuân Hòa 2, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00201607	CCL	BHYT	800.000	0	259.040		152.560	411.600	388.400	
562	Bùi Phương	Thôn Phước Lâm, Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00201661	CCL	BHYT	500.000	0	0		305.120	305.120	194.880	
563	Tăng Thị Khương Tuyết	THÔN 4, Xã Ninh Sơn, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00198871	PHCN	BHYT	300.000	0	221.151			221.151	78.849	
564	Phạm Mục	Đại Mỹ, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00199409	HSTC	BHYT	200.000				190.700	190.700	9.300	
565	Nguyễn Chúc	Thôn Phú Văn, Ninh Trung, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00200389	NOI	BHYT	500.000		428.487			428.487	71.513	
566	Đặng Thị Căng	Lổ Bò-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00201066	NOI	BHYT	500.000		242.343			242.343	257.657	
567	Nguyễn Thị Vũ Bảo	Tân Tế-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00201228	SAN	BHYT	300.000		224.064			224.064	75.936	
568	Nguyễn Gia Khôi	Đại Cát 1-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202258	KTN	BHYT	300.000		85.905			85.905	214.095	
569	Đỗ Hoàng Quân	tổ 4-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202282	CCL	BHYT	300.000					0	300.000	
570	Trần Ngọc Minh	Phú thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00194404	HSTC	BHYT	770.000		0	762.880	0	762.880	7.120	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
571	Nguyễn Thị Hồng	Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200312	NOI		2.700.000	2.667.289	0		0	2.667.289	32.711	
572	Nguyễn Xuân Hiếu	Thôn 5-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00201229	LCK	BHYT	300.000	0	225.017		0	225.017	74.983	
573	Trần Linh Na	Vạn Hữu, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00201490	KTN	BHYT	500.000	0	175.258		0	175.258	324.742	
574	Võ Thị Xéo	tân phong-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202338	HSTC	BHYT	800.000	0	337.404		305.120	642.524	157.476	
575	Huỳnh Thành Phát	Ngay cổng quang vinh, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00202521	LCK	BHYT	500.000	0	71.215		0	71.215	428.785	
576	Đào Thị Ngọc	Thôn Noh Prông, Xã Hòa Phong, Huyện Krông Bông, Tỉnh Đắk Lắk	BA00202696	CCL	BHYT	390.000	0	0		381.400	381.400	8.600	
577	Mai Văn Hậu	tân hưng-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202717	NTH		500.000	435.670	0		0	435.670	64.330	
578	Phạm Thị Yến	Thôn 4, Ninh Sơn, Ninh Hoà, Khánh Hoà	BA00202762	CCL	BHYT	500.000		37.729			37.729	462.271	
579	Nguyễn Trần Tuấn Tú	Thôn Đồng Đa, Ninh Sim, Ninh Hoà, Khánh Hoà	BA00202767	CCL		1.000.000	311.959			305.120	617.079	382.921	
580	Võ Văn Thần	Thôn Tân Phong, Ninh Thân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00201686	KTN	BHYT	500.000		276.906			276.906	223.094	
581	Phan Thành An	Hội Khánh Đôngvan ninh-Xã Vạn Khánh-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00195143	HSTC	BHYT	400.000			374.304		374.304	25.696	
582	Đỗ Thị Thối	Phú Sơn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200687	NOI	BHYT	100.000				87.722	87.722	12.278	
583	Phạm Hoài Hiếu	VẮN ĐINH-Xã Ninh Đông-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202861	NTH		500.000	391.954			38.000	429.954	70.046	
584	Phạm Thị Thu	Quang Đông, Xã Ninh Đông, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00201540	PHCN	BHYT	300.000		81.120	0	0	81.120	218.880	
585	Phạm Thị Thùy Dương	Mỹ lợi-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202773	NOI	BHYT	500.000		240.081	0	0	240.081	259.919	
586	Cao Thị Thắng	thôn Sông Bung, Xã Ninh Tây, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00203741	KTN		1.100.000	631.969	0		305.120	937.089	162.911	
587	Y Plo	Buôn Đung-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00200358	NTH	BHYT	2.800.000	0	2.095.685		305.120	2.400.805	399.195	
588	Lê Thị Chín	Phú Bình-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202241	NOI	BHYT	600.000	0	434.083		0	434.083	165.917	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
589	Võ Thị Ngọc	Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202738	NOI	BHYT	800.000		654.307		20.512	674.819	125.181	
590	Đỗ Thị Hết	Tổ DP 14, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00202832	KTN	BHYT	400.000		356.524			356.524	43.476	
591	Nguyễn Thị Thiện	Thôn Bình Thành, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00203104	LCK	BHYT	500.000		236.454			236.454	263.546	
592	Pinăng Bắg	Xã Phước Chính-Huyện Bắc Ái-Tỉnh Ninh Thuận	BA00203325	NOI	BHYT	500.000				38.000	38.000	462.000	
593	Cao Thị Như Quỳnh	Ninh Yên-Xã Ninh Phước-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204498	NOI	BHYT	300.000					0	300.000	
594	Lê Văn Hùng	xuân đông-Xã Vạn Hưng-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204530	CCL		1.500.000	146.740			855.220	1.001.960	498.040	
595	Nguyễn Đức Trí	Thôn 2, Xã Ninh Sơn, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00204038	NTH	BHYT	400.000	0	304.576		0	304.576	95.424	
596	Nguyễn Thị Thu Lang	Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204957	HSTC	BHYT	400.000	0	0		310.720	310.720	89.280	
597	Trần Thị Hạnh	Tdp Phú Thọ 1, Phường Ninh Diêm, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00205026	LCK	BHYT	300.000		146.473			146.473	153.527	
598	Huỳnh Thị Khỏe	Thôn Tuấn Thừa, Xã Ninh Bình, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00205040	NOI	BHYT	600.000	0	160.813		310.720	471.533	128.467	
599	Dương Thị Hương Lan	Thôn Bắc-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204743	LCK	BHYT	500.000		183.691		0	183.691	316.309	
600	Bùi Ngọc Bảo Hân	Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205055	NTH		1.400.000	699.202	0		550.100	1.249.302	150.698	
601	Phạm Ngọc Đại	hiệp thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205115	CCL		300.000	239.700	0		0	239.700	60.300	
602	Trần Hoàng Quyên	Thôn Vạn Hữu, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00205116	CCL	BHYT	300.000	0	158.005		0	158.005	141.995	
603	Nguyễn Công Viên	Phước lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202481	HSTC	BHYT	980.000		195.688	777.152	0	972.840	7.160	
604	Phan Văn Dũng	TDP Mỹ Á, Phường Ninh Thủy, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00203722	NTH	BHYT	158.000		0	88.057	38.000	126.057	31.943	
605	Phạm Thị Chút	phong phú 2-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204518	NOI	BHYT	500.000		303.486	0	0	303.486	196.514	
606	Trần Thị Mỹ Chiến	hoà do 7-Xã Cam Thành Nam-Thành phố Cam Ranh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205561	NTH		1.500.000	549.325	0		755.952	1.305.277	194.723	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
607	Trần Hòa	Thôn Tân Phong, Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00205576	KTN	BHYT	500.000		91.326	0	0	91.326	408.674	
608	Phạm Nguyễn Hồng Anh	thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205594	CCL		500.000	55.380	0		310.720	366.100	133.900	
609	Phạm Sanh	TÂN PHONG-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205120	LCK	BHYT	500.000		319.352	0	0	319.352	180.648	
610	Nguyễn Thị Lụa	Tân lâm-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205890	NOI	BHYT	350.000		0	0	310.720	310.720	39.280	
611	Nguyễn Đăng Bảo	Thôn Phú Sơn, xã Ninh Trung, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa, Xã Ninh Trung, Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa	BA00206356	KTN	BHYT	500.000		81.820	0	0	81.820	418.180	
612	Nguyễn Xong	Tổ Dân Phố Hội Thành, Ninh Giang, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00206421	CCL	BHYT	300.000		0	0	0	0	300.000	
613	Lê Thị Ba	Thôn 1-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00206620	CCL	BHYT	400.000		0	0	310.720	310.720	89.280	
614	Lương Văn Ngọt	Tổ dân phố 18, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00203801	PHCN	BHYT	300.000		154.848			154.848	145.152	
615	Huỳnh Bảo Tường	Tân Hưng-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204526	NOI	BHYT	300.000		180.013			180.013	119.987	
616	Dương Thuộc	Thôn Tiên Du 1, Xã Ninh Phú, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00206754	CCL	BHYT	320.000				310.720	310.720	9.280	
617	Võ Đình Danh	tiên du 1-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204486	NOI	BHYT	800.000		782.953	0	0	782.953	17.047	
618	Cao Thị Mai	Sông Bung-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00205059	SAN	BHYT	500.000		0	117.200	0	117.200	382.800	
619	Phan Việt Hoàng	Phước Lộc, Hòa Tâm, Đông Hòa, Phú Yên	BA00207071	CCL		1.500.000	146.894			860.820	1.007.714	492.286	
620	Võ Đông Thọ	Tân Hưng-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207133	CCL	BHYT	350.000		0	0	310.720	310.720	39.280	
621	Lê Thanh Tâm	thôn 1-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207170	CCL	BHYT	600.000		165.146		310.720	475.866	124.134	
622	Trần Kim Tỵ	NGŨ MỸ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00206772	NOI	BHYT	500.000	0	155.291		0	155.291	344.709	
623	Đinh Thị Kim Ngân	Thôn Đồng Đa, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00207108	LCK	BHYT	300.000	0	102.244		0	102.244	197.756	
624	Tăng Minh Long	Bình Thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207115	KTN	BHYT	700.000	0	237.380		388.400	625.780	74.220	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
625	Nguyễn Khoa	mỹ lệ-Phường Ninh Đa-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00207204	NTH	BHYT	300.000		173.562			173.562	126.438	
626	Trần Thị Diệu Hồng	Tdp 15-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207242	CCL	BHYT	350.000				310.720	310.720	39.280	
627	Nguyễn Văn Ty	Vân thạch-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00199317	HSTC	BHYT	770.000		0	762.880	0	762.880	7.120	
628	Phạm Văn Dân	tiên du 1-Xã Ninh Phú-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00204986	NOI	BHYT	160.000	0	0		0	0	160.000	
629	Phạm Thị Bửu Phong	ĐẠI TẬP-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207110	NTH	BHYT	350.000	0	294.100		0	294.100	55.900	
630	Nguyễn Thị Thanh Loan	quang đông-Xã Ninh Đông-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00207177	KTN	BHYT	500.000	0	240.782		0	240.782	259.218	
631	Nguyễn Thị Nhật Phượng	Tổ Dân Phố 9 Đông Cát, Ninh Hải, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00207715	NTH	BHYT	300.000	0	208.773		0	208.773	91.227	
632	Nguyễn Tấn Lộc	Thôn Phong Ấp, Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00206973	KTN	BHYT	500.000	0	294.120		0	294.120	205.880	
633	Nguyễn Công Khuân	Thôn 5, Xã Ninh Sơn, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00207218	KTN	BHYT	800.000	0	475.907		155.360	631.267	168.733	
634	Hồ Thị Thu Thảo	Tân hiệp-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207721	LCK	BHYT	300.000	0	116.631		0	116.631	183.369	
635	Lê Thị Kim Yền	tổ 5-Phường Ninh Hiệp-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00208024	NTH	BHYT	100.000	0	91.990		0	91.990	8.010	
636	Hồ Thị Nhịp	Đại mỹ-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00207146	LCK	BHYT	600.000		526.737	0	0	526.737	73.263	
637	Nguyễn Trầm Anh Thu	Đại Cát 1, Ninh Phụng, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00207539	LCK	BHYT	300.000		179.604	0	0	179.604	120.396	
638	Ngô Xuân Ngọc	Buôn lác-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208500	NTH		500.000	385.910	0		0	385.910	114.090	
639	Trần Vũ Khánh	Tân Khánh 1-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208693	CCL	BHYT	500.000		93.015	0	155.360	248.375	251.625	
640	Lê Văn Chuẩn	Móng phú-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208439	KTN	BHYT	500.000		233.496	0	0	233.496	266.504	
641	Nguyễn Chí Nguyên	quang thành-Xã Diên Hòa-Huyện Diên Khánh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208507	KTN		690.000	680.187	0		0	680.187	9.813	
642	Nguyễn Hùng Sơn	Thôn Bắc-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208821	HSTC	BHYT	1.100.000		536.168	0	310.720	846.888	253.112	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
643	Cao Ben	Tân mỹ-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208827	CCL		1.500.000	498.049	0		860.820	1.358.869	141.131	
644	Ngô Thị Bích	Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208654	NOI	BHYT	500.000		157.146		0	157.146	342.854	
645	Phạm Thị Hạnh	Vạn Hữu-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208790	KTN		500.000	319.202	0		0	319.202	180.798	
646	Nguyễn Thanh Hòa	xóm mới-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208836	NOI	BHYT	300.000		82.755		0	82.755	217.245	
647	Nguyễn Lê Hoàng Việt	Xã Vạn Long-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209183	CCL		700.000	104.953	0		310.720	415.673	284.327	
648	Cao La Đề	Sông Bung-Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209233	CCL	BHYT	350.000				310.720	310.720	39.280	
649	Trần Thị Mỹ Trang	Ninh Đức-Xã Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209206	KTN	BHYT	300.000	0	82.186		0	82.186	217.814	
650	Lê Khánh Hiền	Hoà Thiện 2-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209209	KTN	BHYT	300.000		126.113			126.113	173.887	
651	Nguyễn Văn Sơn	tân khánh-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209545	CCL		1.200.000	240.860			860.820	1.101.680	98.320	
652	Nguyễn Tòì	Tổ 9-Ninh Hiệp-Ninh Hoà-Khánh Hoà	BA00210028	CCL	BHYT	450.000				400.052	400.052	49.948	
653	Trần Yến Ngọc	tổ 12-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209319	KTN	BHYT	300.000		205.343			205.343	94.657	
654	Huỳnh Thị Lến	Thuận mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209560	NOI	BHYT	800.000		329.139			329.139	470.861	
655	Lê Danh	GIA MỸ-Xã Ninh An-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00209884	NTH	BHYT	400.000		367.960			367.960	32.040	
656	Lê Thị Kim Yến	tổ 5-Phường Ninh Hiệp-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00210130	NTH	BHYT	100.000		89.740			89.740	10.260	
657	Huỳnh Thị Kim Trọ	Hà Thanh 2-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210161	HSTC	BHYT	800.000		248.294		310.720	559.014	240.986	
658	Đặng Vương	Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210189	CCL	BHYT	300.000					0	300.000	
659	Nguyễn Rạng	Phú Diêm, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00209661	PHCN	BHYT	300.000	0	104.700		0	104.700	195.300	
660	Trần Quốc Thanh	Thạnh Mỹ-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209747	NTH	BHYT	300.000	0	154.440		38.000	192.440	107.560	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
661	Nguyễn Hữu	Bình Thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210506	CCL	BHYT	500.000	0	0		155.360	155.360	344.640	
662	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Phú Thạnh-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210513	CCL		800.000	290.530	0		194.200	484.730	315.270	
663	Trần Minh Sương	Đồng đa-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210516	CCL	BHYT	500.000	0	104.712		194.200	298.912	201.088	
664	Trịnh Gia Hào	Tổ 7-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210525	NOI	BHYT	300.000	0	88.231		0	88.231	211.769	
665	Nguyễn Thị Cúc	Thôn Xuân Mỹ, Ninh Thọ, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00210569	CCL	BHYT	320.000	0	0		310.720	310.720	9.280	
666	Nguyễn Đức Vượng	Bình thành-Xã Ninh Bình-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202480	HSTC	BHYT	3.600.000		1.838.339	1.647.880	0	3.486.219	113.781	
667	Trần Ngọc Minh	Phú thành-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00202754	HSTC	BHYT	770.000		0	762.880	0	762.880	7.120	
668	Trần Thị Nhi	Tổ 11-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209185	NOI	BHYT	500.000	0	426.169		0	426.169	73.831	
669	Đoàn Thanh Thiên	Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00210528	NOI	BHYT	300.000	0	187.025		0	187.025	112.975	
670	Lê Minh Hùng	Tân Quang, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00209443	NTH	BHYT	500.000		323.632		0	323.632	176.368	
671	Nguyễn Xuân Thiên	Thị trấn Quán Hâu, Huyện Quảng Ninh, TinBinh Quảng	BA00211288	NTH	BHYT	300.000		115.130		0	115.130	184.870	
672	Phan Quốc Tuấn	Đại Tập, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00211293	CCL	BHYT	600.000		34.025		316.160	350.185	249.815	
673	Phạm Ánh	mông phú-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211298	CCL	BHYT	600.000		77.019		316.160	393.179	206.821	
674	Trần Sứ	Tổ dân phố Phú Thứ, Phường Ninh Giang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00211360	CCL	BHYT	400.000				316.160	316.160	83.840	
675	Nguyễn Thị Tố Như	Mông Phú-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00209749	KTN	BHYT	500.000		389.088		0	389.088	110.912	
676	Lê Quỳnh Châu	Vĩnh hải-Xã Vĩnh Hảo-Huyện Tuy Phong-Tỉnh Bình Thuận	BA00211365	CCL		1.400.000	351.441	0		866.260	1.217.701	182.299	
677	Trần Ngọc Linh Đan	Thuận lợi-Phường Ninh Hà-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211201	LCK	BHYT	2.000.000				900.000	900.000	1.100.000	
678	Lê Thị Thanh	Thanh Châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211540	CCL	BHYT	700.000		161.813		316.160	477.973	222.027	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
679	Hà Huy Nhơn	Thôn Mỹ Hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00208015	PHCN	BHYT	300.000	0	289.151		0	289.151	10.849	
680	Phạm Thái Phú	thôn 3-Xã Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211274	CCL	BHYT	500.000	0	158.050		0	158.050	341.950	
681	Lê Hát	tdp 14-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212218	CCL	BHYT	1.500.000	0	282.339		316.160	598.499	901.501	
682	Ngô Thị Quấn	Tổ dân phố 15, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00206785	PHCN	BHYT	300.000		185.176			185.176	114.824	
683	Võ Thị Rõng	Tổ 9-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211771	NOI	BHYT	1.200.000		438.061			438.061	761.939	
684	Nguyễn Thị Cẩn	nghi phụng-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212495	NOI	BHYT	300.000		156.006			156.006	143.994	
685	Quách Bình	tdp 6-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212320	KTN	BHYT	500.000		0	0	0	0	500.000	
686	Nguyễn Thị Khen	phú văn-Xã Ninh Trung-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212471	CCL	BHYT	480.000		0	0	71.136	71.136	408.864	
687	Trần Văn Thọ	Tổ dân phố Phước Đa 3, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00212784	CCL	BHYT	700.000		278.174	0	316.160	594.334	105.666	
688	Nguyễn Đức Thịnh	Thanh châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213036	CCL	BHYT	700.000		77.487	0	316.160	393.647	306.353	
689	Lê Ngọc Tú Uyên	Phú Diêm-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00211021	NHI	BHYT	500.000		0	0	0	0	500.000	
690	Nguyễn Thanh	Đồng Xuân-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212363	NTH		500.000	402.911	0		0	402.911	97.089	
691	Trần Bảo Ngọc	TDP1 - Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212613	NTH	BHYT	300.000		87.254	0	38.000	125.254	174.746	
692	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Vạn Hữu, Xã Ninh Quang, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00212615	HSTC	BHYT	1.000.000		446.531	0	316.160	762.691	237.309	
693	Huỳnh Ngọc Bảo Nhiên	TDP 15-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00206571	PHCN	BHYT	300.000		175.040			175.040	124.960	
694	Trần Văn Đông	Thôn Lỗ Bò, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00211981	NOI	BHYT	300.000		280.098			280.098	19.902	
695	Cao Thị Tuyền	Suối Sâu-Xã Ninh Tân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00212224	NOI	BHYT	300.000		75.882			75.882	224.118	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
696	Trần Phước	Tổ dân phố Hậu Phước, Phường Ninh Hà, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00212770	HSTC	BHYT	1.500.000		1.035.608		334.880	1.370.488	129.512	
697	Phạm Thị Kiều Trinh	thôn Xuân Hòa 1, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00213433	NTH	BHYT	400.000		367.960			367.960	32.040	
698	Nguyễn Thị Bi	TDP Phước Đa 1, Phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00213557	CCL	BHYT	430.000				410.228	410.228	19.772	
699	Võ Văn An	phước đa 3-Phường Ninh Đa-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213613	CCL		500.000	187.686				187.686	312.314	
700	Nguyễn Ngọc Hoàng Vỹ	Đại Cát 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213605	NTH	BHYT	500.000		207.286	35.740		243.026	256.974	
701	Lê Quỳnh Bảo Ngọc	Tổ dân phố số 15-Thị trấn Vạn Giã-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213629	NHI	BHYT	340.000				334.880	334.880	5.120	
702	Nguyễn Trí	Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213704	CCL	BHYT	600.000				452.088	452.088	147.912	
703	Lê Ngô Duy Du	Thanh Châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213607	NTH		3.000.000	1.249.866	0		1.435.080	2.684.946	315.054	
704	Nguyễn Thị Diệu	Tân Khánh 1-Xã Ninh Sim-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213673	NOI	BHYT	500.000	0	97.785		38.000	135.785	364.215	
705	Lại Thị Nơi	Tổ 18-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213903	NOI	BHYT	400.000	0	0		0	0	400.000	
706	Y - Truôi Byă	Buôn Mliă, Xã Ea Trang, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đắk Lắk	BA00214399	CCL	BHYT	400.000	0	0		334.880	334.880	65.120	
707	Phạm Thị Hòa	Đồng Xuân-Xã Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213705	NOI		1.300.000	1.241.204	0		0	1.241.204	58.796	
708	Đào Tấn Tài	Ninh thọ-Xã Vạn Long-Huyện Vạn Ninh-Tỉnh Khánh Hòa	BA00214404	NTH		1.000.000	330.275	0		550.100	880.375	119.625	
709	Nguyễn Thị Mơ	Nhĩ sự-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213652	HSTC	BHYT	350.000				334.880	334.880	15.120	
710	Nguyễn Hoàng Nhật Cường	Thanh Châu-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00213671	KTN	BHYT	500.000		258.294			258.294	241.706	
711	Trần Thái Hồng	Xóm Hòa Nam, Thôn Phú Hòa, Tây Xuân, Tây Sơn, Bình Định	BA00215020	NTH		1.200.000	469.825			550.100	1.019.925	180.075	
712	Nguyễn Thị Hằng	phong phú 2-Phường Ninh Giang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215256	CCL	BHYT	700.000		78.847		334.880	413.727	286.273	

STT	Họ Và Tên	Địa chỉ	Mã KCB	Khoa	Khối BH	Tạm ứng	Thu trực tiếp từ người bệnh				Tổng thực thu	Số phải trả lại cho BN	Ngày thanh toán
							Viện phí	Bảo hiểm	Ngoài danh mục+ Xe CVNT	Dịch vụ			
713	Võ Thị Ngọc Hạnh	Trường lộc-Xã Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215430	CCL		1.500.000	732.663	0			732.663	767.337	
714	Nguyễn Trường Thái	TDP Phú Thọ 2, Phường Ninh Diêm, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	BA00215596	HSTC	BHYT	700.000		113.500		339.360	452.860	247.140	
715	Nguyễn Minh Hải	Thôn Nông Trường, Ninh Sim, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00215831	CCL	BHYT	700.000		96.073	0	339.360	435.433	264.567	
716	Giàng Thìn May	Thôn 7, Xã Cư San, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đắk Lắk	BA00215841	CCL	BHYT	500.000		0	0	339.360	339.360	160.640	
717	Nguyễn Thị Lợi	Đại Cát 2-Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00214112	HSTC	BHYT	1.200.000	0	1.106.765		0	1.106.765	93.235	
718	Nguyễn Thị Thúy Nhi	Thôn Phú Gia, Ninh An, Ninh Hòa, Khánh Hòa	BA00215835	NTH	BHYT	300.000	0	77.510		0	77.510	222.490	
719	Nguyễn A	Phú văn-Xã Ninh Trung-Thị Xã Ninh Hòa-Khánh Hoà	BA00215858	CCL	BHYT	350.000	0	0		339.360	339.360	10.640	
720	Trần Chấn Phiến	Tổ 16-Phường Ninh Hiệp-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215877	KTN	BHYT	350.000	0	0		169.680	169.680	180.320	
721	Lê Thị Tường Vi	Lạc Hoà-Xã Ninh An-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215896	CCL	BHYT	350.000	0	0		339.360	339.360	10.640	
722	Lương Công Minh	Tân Quang-Xã Ninh Quang-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215948	HSTC	BHYT	200.000				182.406	182.406	17.594	
723	Từ Hoà Hiên	Mỹ hoán-Xã Ninh Thân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa	BA00215900	NTH		700.000	393.736	0		0	393.736	306.264	
	Tổng					466.607.000	101.583.906	111.327.002	41.731.508	71.666.956	326.309.372	140.297.628	



TRƯỞNG PHÒNG TCKT


ĐỖ KIM SANG

LẬP BẢNG


LÊ THỊ HIÊN